



CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1

Thời gian: Từ 8h00 ngày 03/04/2024

Địa điểm: Hội trường tầng 3 - Công ty cổ phần xây dựng số 1 - Tòa C1 Chung cư Vinaconex 1 - Số 289A Khuất Duy Tiến - Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội

THỜI GIAN	NỘI DUNG
8h00-8h30	Đón tiếp và Đăng ký đại biểu
8h30-8h40	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông và công bố số lượng cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
8h40-8h50	Chào cờ, khai mạc Đại hội. Thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu
8h50-9h05	Thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc của Đại hội.
9h05-9h25	- Báo cáo của Ban điều hành về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.
9h25-9h40	- Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024;
9h40-9h55	- Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán; - Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023, kế hoạch năm 2024; - Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc thông qua phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 và Kế hoạch năm 2024.
9h55-10h10	- Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023; - Tờ trình của Ban kiểm soát về việc thông qua lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty;
10h10-10h15	- Tờ trình của HĐQT về giao dịch với Tổng công ty Vinaconex và/hoặc công ty thành viên trong cùng tập đoàn/nhóm Vinaconex.
10h15-10h25	- Tờ trình của HĐQT về việc thông qua Điều lệ công ty năm 2024 - Tờ trình của HĐQT về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2024 - Tờ trình của HĐQT về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024
10h25-10h45	Thảo luận của Đại hội

THỜI GIAN	NỘI DUNG
10h45-10h55	<p>Đại hội biểu quyết thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ về:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch năm 2024. 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024; 3. Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán; 4. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023, kế hoạch năm 2024; 5. Phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 và Kế hoạch năm 2024; 6. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023, tổng kết nhiệm kỳ 2019 - 2024; 7. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty; 8. Tờ trình của HĐQT về giao dịch với Tổng công ty Vinaconex và/hoặc công ty thành viên trong cùng tập đoàn/nhóm Vinaconex.
10h55-11h20	Bầu cử HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2024 - 2029
	1. Thông qua Tờ trình của HĐQT về việc bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029
	2. Thông qua Danh sách ứng cử viên để Đại hội bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029
	3. Thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029
	4. Đọc hướng dẫn đề cử, ứng cử ứng viên HĐQT, BKS
	5. Thực hiện bỏ phiếu bầu cử
11h20-11h30	Nghỉ giải lao (10')
11h30-11h40	Công bố Kết quả kiểm phiếu biểu quyết
11h40-11h45	Công bố kết quả bầu cử
11h45-11h50	Đại hội nghỉ giải lao – HĐQT, BKS họp phiên đầu tiên để bầu ra Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS
11h50-11h55	HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2024 – 2029 ra mắt Đại hội
11h55-12h00	Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội
12h00	Bế mạc Đại hội



....., ngày tháng năm 2024

GIẤY XÁC NHẬN / ỦY QUYỀN
Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
của Công ty cổ phần xây dựng số 1 (VINACONEX 1)

Kính gửi: Công ty cổ phần xây dựng số 1 (VINACONEX 1)

Cổ đông:

Địa chỉ:

Số CMTND/HC/ĐKKD: Ngày cấp: Nơi cấp:

Số cổ phần sở hữu:

(Bằng chữ:))

xác nhận việc tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần xây dựng số 1 (VINACONEX 1) vào ngày 03/04/2024 như sau (đánh dấu vào hợp):

- Trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông.
- Ủy quyền thay mặt tôi tham dự, biểu quyết và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần xây dựng số 1 (VINACONEX 1) vào ngày 03/04/2024 liên quan đến số cổ phần được ủy quyền. Người được ủy quyền là:

2.1. Ông Nguyễn Khắc Hải - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng số 1.

Số cổ phần ủy quyền:

2.2. Ông Hoàng Văn Trinh - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần xây dựng số 1.

Số cổ phần ủy quyền:

2.3. Hoặc Ông/Bà có tên dưới đây:

Họ và tên:

Địa chỉ:

Số CMTND/HC/ĐKKD: Ngày cấp: Nơi cấp:

Số cổ phần ủy quyền:

Tôi/Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần VINACONEX 1.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỔ ĐÔNG / NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu nếu là tổ chức)

Ghi chú: Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Khi đến dự Đại hội, người được ủy quyền mang theo bản sao chứng thực CMND/CCCD/Hộ chiếu của cổ đông/người ủy quyền để làm thủ tục đăng ký vào Đại hội.



Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2024

QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xây dựng số 1 đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 23/03/2021;
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần xây dựng số 1 đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 23/03/2021.

Mục tiêu của Quy chế:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần xây dựng số 1.

Ban tổ chức xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

- Cổ đông khi vào phòng đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội hướng dẫn, tuân thủ việc sắp xếp vị trí chỗ ngồi của Ban tổ chức.
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ không để chuông.
- Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội đồng cổ đông từ khi bắt đầu đại hội cho đến khi kết thúc đại hội và thực hiện quyền/nghĩa vụ biểu quyết đối với tất cả các nội dung trình Đại hội thông qua. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức hoặc không gửi lại phiếu biểu quyết về các nội dung của Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó được coi là đã không tham dự Đại hội (đối với những nội dung mà cổ đông/đại diện cổ đông đó không thực hiện biểu quyết).

II. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện cho trên 50% Tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông lần thứ 2 phải được triệu tập trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có cổ đông dự họp (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện cho từ 33% Tổng số phiếu biểu quyết trở lên của Công ty.

- 2.3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba sẽ được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

3.1. Đối tượng được tham gia biểu quyết

Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số V103/2024-VC1/VSD-ĐK do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) lập tại Ngày đăng ký cuối cùng 01/03/2024) trực tiếp tham dự ĐHĐCĐ.

3.2. Nguyên tắc biểu quyết

Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết trong đó ghi Mã số tham dự, số phiếu biểu quyết của cổ đông và có đóng dấu của Công ty cổ phần xây dựng số 1.

Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

3.3. Cách biểu quyết

Cổ đông/đại diện cổ đông biểu quyết từng vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội theo điều khiển của Chủ tọa bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và ghi Phiếu biểu quyết.

Trong trường hợp có sự khác biệt về kết quả biểu quyết giữa phương thức giơ Thẻ biểu quyết và ghi Phiếu biểu quyết, kết quả biểu quyết tại ĐHĐCĐ được xác định theo phương thức ghi Phiếu biểu quyết thu về tại Đại hội.

a. Biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết

Cổ đông/đại diện cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết (Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến) cho từng nội dung. Khi biểu quyết, cổ đông/đại diện cổ đông giơ cao Thẻ biểu quyết của mình lên khi được Chủ tọa hỏi. Theo sự điều hành của Chủ tọa, cổ đông/đại diện cổ đông “Tán thành” sẽ giơ Thẻ biểu quyết lên trước, tiếp sau đó cổ đông/đại diện cổ đông “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết.

b. Biểu quyết bằng phương thức ghi Phiếu biểu quyết:

- Mỗi nội dung tại Phiếu biểu quyết có 03 ô để cổ đông lựa chọn ý kiến biểu quyết bao gồm:
 - Ô biểu quyết “Tán thành”;
 - Ô biểu quyết “Không tán thành”;
 - Ô biểu quyết “Không có ý kiến”.

Khi biểu quyết từng nội dung, cổ đông/người đại diện của cổ đông dự họp thể hiện ý kiến biểu quyết (“Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”) bằng cách đánh dấu “X” hoặc “√” vào 01 trong 03 ô biểu quyết của nội dung biểu quyết, ký và ghi rõ họ tên vào Phiếu biểu quyết để nộp cho Ban Kiểm phiếu. Nội dung phiếu biểu quyết không hợp lệ là nội dung mà cổ đông/người đại diện của cổ đông không đánh dấu vào ô biểu quyết nào hoặc đánh dấu vào nhiều hơn một ô biểu quyết đối với cùng 1 nội dung biểu quyết. Nếu Phiếu biểu quyết hợp lệ có một hoặc một số nội dung biểu quyết không hợp lệ thì các nội dung hợp lệ còn lại vẫn được tính vào kết quả biểu quyết đối với nội dung hợp lệ đó.

- Việc bỏ phiếu Phiếu biểu quyết được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa đại hội hoặc đại diện Ban Kiểm phiếu và kết thúc khi Ban Kiểm phiếu thu hết Phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông dự họp hoặc sau 15 (mười lăm) phút kể từ thời điểm Chủ tọa tuyên bố bắt đầu thời gian bỏ phiếu, tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước.

- Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông có yêu cầu đổi lại Phiếu biểu quyết do bị rách, nát, sơ suất viết thêm các ký hiệu lên Phiếu biểu quyết, nếu cổ đông/đại diện cổ đông chưa bỏ phiếu biểu quyết và chưa hết thời gian bỏ phiếu, thì cổ đông/đại diện cổ đông được quyền gấp trực tiếp Ban Kiểm phiếu trả lại Phiếu biểu quyết đã nhận để đổi lại Phiếu biểu quyết mới nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông/đại diện cổ đông. Ban Kiểm phiếu tập hợp các Phiếu biểu quyết cũ và gửi lại Chủ tọa đại hội.
- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm thu Phiếu biểu quyết, kiểm Phiếu biểu quyết, lập Biên bản kết quả kiểm phiếu và báo cáo trước Đại hội. Mọi khiếu nại về kết quả biểu quyết sẽ được Ban Kiểm phiếu xem xét và giải quyết ngay tại Đại hội.

3.4. Các trường hợp biểu quyết được coi là không hợp lệ:

- i. Các trường hợp việc biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông được coi là không hợp lệ:
 - Cổ đông/đại diện cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” của cùng một vấn đề.
 - Cổ đông/đại diện cổ đông giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn 01 lần khi biểu quyết một vấn đề.
- ii. Các trường hợp việc biểu quyết bằng ghi Phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông được coi là không hợp lệ:
 - Phiếu biểu quyết không theo mẫu quy định của Công ty hoặc không có dấu của Công ty.
 - Phiếu biểu quyết bị tẩy xóa làm cho không thể xác định được một cách rõ ràng về ý định biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông đối với nội dung được biểu quyết tương ứng.
 - Phiếu biểu quyết không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.
 - Phiếu biểu quyết không ghi các thông tin về cổ đông/đại diện cổ đông.
 - Trường hợp một nội dung biểu quyết có từ hai phương án biểu quyết trở lên mà cổ đông/đại diện cổ đông lựa chọn tán thành vào cả hai hoặc nhiều hơn hai phương án biểu quyết.
 - Một nội dung biểu quyết có ghi từ 02 ý kiến biểu quyết khác nhau (“Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”) hoặc không có lựa chọn ý kiến biểu quyết nào thì phần biểu quyết đối với nội dung đó bị coi là không hợp lệ.
 - Trường hợp Phiếu biểu quyết có nhiều nội dung biểu quyết, nếu có một hoặc một số nội dung biểu quyết không hợp lệ thì chỉ nội dung biểu quyết đó sẽ được tính là không hợp lệ và không ảnh hưởng tới tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác trong Phiếu biểu quyết đó.

IV. ĐIỀU KIỆN THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI

- 4.1. Mỗi cổ phần của cổ đông/đại diện cổ đông dự họp và thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội sẽ có một phiếu biểu quyết.
- 4.2. Ngoại trừ các vấn đề quy định tại mục 4.3 và 4.4 dưới đây, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện trên 50% Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông/đại diện cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- 4.3. Đối với quyết định của Đại hội đồng cổ đông về (i) loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; (ii) thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; (iii) thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; (iv) dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; (v) tổ chức lại, giải thể Công ty: thì được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện từ 65% Tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông/đại diện cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- 4.4. Đối với việc thông qua Tờ trình về các hợp đồng và giao dịch giữa Công ty với các đối tượng theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông: cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch đó không có quyền biểu quyết. Tờ trình được thông qua theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp 2020.

V. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

- 5.1. Nguyên tắc:

Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội có ý định phát biểu ý kiến thảo luận phải tiến hành đăng ký nội dung phát biểu theo mẫu Phiếu đăng ký phát biểu của Ban Tổ chức hoặc giờ cao Thẻ Biểu quyết đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa. Mẫu đăng ký phát biểu sẽ được phát cho từng cổ đông/đại diện cổ đông khi đến dự Đại hội. Cổ đông/đại diện cổ đông nộp Phiếu đăng ký phát biểu tại Ban Thư ký Đại hội trong quá trình Đại hội hoặc trong giờ nghỉ giải lao. Để đảm bảo trật tự của Đại hội khi thảo luận, những cổ đông/đại diện cổ đông đăng ký phát biểu theo Mẫu đăng ký sẽ được ưu tiên phát biểu trước sau đó lần lượt các cổ đông/đại diện cổ đông giờ Thẻ Biểu quyết sẽ phát biểu theo sự sắp xếp của Chủ tọa.

5.2. Cách thức phát biểu:

Cổ đông/đại diện cổ đông phát biểu phải đảm bảo:

- Phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Trường hợp ý kiến đề xuất phức tạp, cần nhiều thời gian để trình bày thì cổ đông có thể gửi bằng văn bản đến Ban tổ chức 02 ngày trước kỳ diễn ra Đại hội.
- Không trình bày lại những vấn đề đã được đề cập trước.
- Không đề xuất các vấn đề thuộc quyền hạn của Hội đồng quản trị.
- Không đề xuất các vấn đề không đúng thẩm quyền hoặc nằm ngoài nội dung Chương trình Đại hội đã được phê duyệt.
- Nội dung đề xuất không được vi phạm Pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp để thực hiện hữu hiệu.

Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông/đại diện cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông/đại diện cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông/đại diện cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

VI. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

- 6.1. Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
- 6.2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- 6.3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông/đại diện cổ đông dự họp.
- 6.4. Chủ tọa có quyền:
 - Yêu cầu tất cả cổ đông/đại diện cổ đông dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những cổ đông/đại diện cổ đông không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 6.5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số cổ đông/đại diện cổ đông đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông/đại diện cổ đông dự họp.
 - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông/đại diện cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
 - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
- 6.6. Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ ĐẠI HỘI

- 7.1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được Đại hội thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
- 7.2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU

- 8.1. Tham gia đón tiếp và hướng dẫn bố trí chỗ ngồi cho cổ đông.
- 8.2. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
- 8.3. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.
- 8.4. Tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết và công bố kết quả biểu quyết của Đại hội.
- 8.5. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn từ khiếu nại về việc biểu quyết tại Đại hội.

IX. BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần xây dựng số 1.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

T/M. ĐOÀN CHỦ TỊCH

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2024

Số: /2024/BC-TGD

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Năm 2023 với nhiều biến động, nền kinh tế nước ta tiếp tục tăng trưởng nhưng vẫn chịu nhiều tác động của kinh tế Thế giới do là nền kinh tế mở, hội nhập sâu rộng đặc biệt là với nền kinh tế các nước/ khu vực lớn (Âu, Mỹ) chưa phục hồi sau đại dịch Covid dẫn đến nhu cầu về xuất khẩu hàng hoá giảm sút ảnh hưởng đến sản xuất trong nước. Bên cạnh đó thị trường tài chính, ngân hàng neo ở mức lãi suất cao ảnh hưởng không nhỏ đến công tác đầu tư phát triển và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó ngân hàng nhà nước đã tăng cường kiểm soát chặt chẽ tín dụng, lại suất tăng cao, biến động giá cả vật liệu xây dựng... đã ảnh hưởng lớn đến tiến độ của các công trình; làm tăng chi phí đầu tư cho các dự án và gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc huy động vốn để triển khai kinh doanh. Nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất kinh doanh so với kế hoạch đề ra.

Với những đặc điểm tình hình như trên, hoạt động SXKD của các doanh nghiệp ngành XD nói chung và của Công ty nói riêng cũng chịu nhiều tác động, ảnh hưởng đáng kể. Tuy nhiên, với sự quyết tâm nỗ lực, cùng sự ủng hộ giúp đỡ đồng hành của Tổng công ty Vinaconex, các mặt hoạt động của Công ty đã đạt được một số kết quả đáng kể.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

1. Kết quả SXKD:

1.1. Thực hiện các chỉ tiêu:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch 2023 (theo NQĐHCĐ)	Thực hiện cả năm 2023	
			Giá trị	% so với KH 2023
I	Tổng giá trị SXKD	458.518	251.874	55%
1	Xây lắp (cả vật tư A cấp)	446.984	237.460	53%
2	Kinh doanh bất động sản và hạ tầng nhà	-	-	-
3	Sản xuất kinh doanh khác	11.534	14.414	125%
II	Doanh thu	460.131	222.688	48%
1	Xây lắp (cả vật tư A cấp)	449.645	208.274	46%
2	Sản xuất kinh doanh khác	10.486	14.414	137%
III	Lợi nhuận trước thuế	2.306	4.896	212%
IV	Lợi nhuận sau thuế	1.580	2.621	165%

1.2. Đánh giá kết quả thực hiện SXKD năm 2023

- Năm 2023, tiếp tục là một năm kinh tế trong nước có nhiều khó khăn thách thức, tình hình tín dụng lãi suất ngân hàng biến động mạnh dẫn đến khó khăn cho công tác đầu tư các dự án BĐS, lượng vốn dành cho các dự án xây lắp giảm, số lượng dự án xây lắp giảm đáng kể dẫn đến cạnh tranh rất gay gắt, quyết liệt... đã ảnh hưởng lớn đến công tác tìm kiếm việc làm, đấu thầu của Công ty.

- Các chỉ tiêu về Sản lượng, Doanh thu, Lợi nhuận đều đạt thấp do giá trị chuyển tiếp của các công trình, dự án từ năm 2022 sang năm 2023 là không đáng kể cũng như công tác thị trường tìm kiếm công việc trong năm 2023 gặp rất nhiều khó khăn - đặc biệt là 6 tháng đầu năm (*do mặt bằng Lãi suất neo ở mức cao, tình trạng thắt chặt tín dụng dẫn đến công tác đầu tư phát triển suy giảm, có ít dự án mở ra*). Những ảnh hưởng này dẫn đến kết quả thực hiện chỉ tiêu về sản lượng đạt 55% so với kế hoạch năm 2023, chỉ tiêu về doanh thu đạt 48% so với kế hoạch đề ra.

- Công tác đầu tư kinh doanh bất động sản gặp nhiều vướng mắc do cơ chế chính sách dẫn đến không thể bàn giao dự án đã hoàn thành để thu hồi vốn cũng như không thể triển khai dự án đầu tư như kế hoạch đã định.

2. Đánh giá về tình hình thực hiện công tác SXKD

2.1. Công tác thi công xây lắp:

Năm 2023, trong công tác thi công xây lắp các công trình, Công ty lấy việc duy trì, ổn định để phát triển bền vững, đảm bảo đời sống cho CBCNV là mục tiêu xuyên suốt trong năm. Duy trì hoạt động xây lắp trong toàn Công ty được giữ ổn định, không chạy theo doanh thu. Dự án của Công ty không nhiều (8 công trình, hạng mục công trình) gồm: Thi công xây dựng phần ngầm, kết cấu thân và xây trát 51 căn biệt thự song lập khu A3, A4 Cát Bà ; gói thầu XD.032 Thành Công Việt Hưng - Xường Hàn, xưởng lắp ráp tại khu CN Việt Hưng Quảng Ninh; Hợp đồng số 75 và Hợp đồng 43 Khách sạn quốc tế Nacimex Đồ Sơn Hải Phòng; Xây dựng nhà máy TSK & TTC Hà Nam; Hạ tầng khu công nghiệp Vigracera Tiên Hải Thái Bình....., vì vậy Công ty tập trung chú trọng, yêu cầu cao trong công tác quản lý thi công xây lắp về chất lượng, tiến độ; hình ảnh thương hiệu đặc biệt là công tác thanh quyết toán công trình. Với phương châm, tiêu chí là làm nhanh gọn, làm việc gì dứt điểm việc đấy để hoàn thành hạng mục, công trình nhanh nhất; kết hợp song song với công tác Hồ sơ thanh quyết toán để thu hồi vốn nhanh nhất. Với các định hướng nêu trên nên trong năm 2023 công tác thi công xây lắp các công trình dự án đã đạt được một số kết quả nhất định: Hầu hết các công trình đều đạt được các mục tiêu về tiến độ, chất lượng; thanh toán thu hồi vốn kịp thời trong đó nghiệm thu bàn giao 2 công trình đưa vào sử dụng - Quyết toán thu hồi vốn 100% ngay sau khi nghiệm thu bàn giao công trình (*đây là điểm cần phát huy trong việc quản lý điều hành công tác thi công xây lắp hiện nay*)

Công tác ATLĐ và VSCN trên tất cả các công trình triển khai thi công đều được kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ. Bên cạnh việc duy trì tốt các tiêu chí về tiến độ, chất lượng công trình, công tác ATLĐ&VSCN, công tác quảng bá hình ảnh, thương hiệu của Công ty và Tổng công ty trên tất cả các công trình, dự án luôn được chú trọng, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ theo đúng các qui định. Năm 2023 là năm thứ 6 liên tiếp, Công ty không để xảy ra bất cứ một vụ việc mất an toàn lao động nghiêm trọng nào.

2.2. Công tác tiếp thị, đấu thầu:

Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn thách thức cũng như tình hình tín dụng, ngân hàng neo ở mức lãi suất rất cao từ cuối năm 2022 sang nửa đầu năm 2023 ảnh hưởng không nhỏ đến công tác đầu tư phát triển các lĩnh vực; điều này tác động rất lớn đến hoạt động SXKD các doanh nghiệp ngành xây dựng nói chung và Vinaconex1 nói riêng – đặc biệt là giai đoạn đầu năm 2023. Đây là giai đoạn rất khó khăn đối với Công ty vì giá trị sản lượng chuyển tiếp từ năm 2022 sang năm 2023 rất ít, công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm công việc mới cũng không thuận lợi do có ít đầu mối công việc,...

Tuy nhiên, trong giai đoạn 6 tháng cuối năm 2023, với sự quyết tâm quyết liệt của Ban LĐ công ty , với sự nỗ lực cố gắng của các phòng ban chuyên môn và cách tiếp thị linh hoạt hơn với một số Chủ đầu tư có tiềm lực, vốn là khách hàng của Công ty giai đoạn trước đây nhưng nay nâng tầm lên thành đối tác thân thiết hướng tới đối tác chiến lược Với những nỗ lực kể trên, Công ty đã tiếp thị thành công và ký kết 1 số HĐ kinh tế có giá trị lớn để tăng thêm giá trị SXKD cho năm 2023 và chuyển tiếp một phần giá trị SXKD cho năm 2024 (400 tỷ sản lượng); đây là tiền đề cho việc thúc đẩy công tác tiếp thị thi trường cho năm 2024 và các năm tiếp sau, có thể kể đến:

+ Thi công Khu biệt thự, nhà ở Liên kề của Tập đoàn Flamingo tại Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam: Thi công 120 căn Biệt thự, nhà liền kề với Giá trị 180 tỷ đồng;

+ Thi công Nhà điều hành và các công trình phụ trợ khu văn phòng tại Khu bến cảng Lạch Huyện - Hải Phòng của Công ty TNHH cảng quốc tế Hateco: 150 tỷ đồng;

+ Thi công Khách sạn quốc tế Đồ Sơn của Tập đoàn Nam Cường tại Hải Phòng: Tổng thầu thi công công phần hoàn thiện khách sạn 6 sao với Giá trị 100 tỷ đồng;

+ Thi công nhà Xưởng và nhà văn phòng Tổ hợp công nghệ ô tô của Tập đoàn Thành Công tại Quảng Ninh: Thi công 2 nhà xưởng qui mô 50.000 m², nhà văn phòng 15.000 m², giá trị 200 tỷ đồng.

+ Ký biên bản ghi nhớ hợp tác với Công ty cổ phần đầu tư Trung Quý – Bắc Ninh (Chủ đầu tư Khu công nghiệp Phúc Điền mở rộng tại Hải Dương) về việc Tổng thầu Thiết kế - Thi Công khu nhà ở lưu trú công nhân tại khu công nghiệp này (Qui mô khoảng 200 căn nhà ở liền kề -70.000 m² sàn) và Thi công một số công tác hạ tầng Khu công nghiệp.

2.3. Công tác đầu tư, kinh doanh bất động sản:

a. Dự án Tòa nhà C1 (thuộc quỹ đất 20%) tại 289A, Khuất Duy Tiến, Trung Hòa, Cầu Giấy, HN:

Dự án vẫn chưa được phép bán hàng thương mại mặc dù theo điều khoản HĐ đã ký với Sở XD Hà Nội Công ty được phép bán hàng thương mại kể từ tháng 3/2022 (Tháng 2/2022, UBND TP Hà Nội có thông báo không cho phép các CĐT bán hàng thương mại - Đợi QĐ xem xét mua lại dự án của Thành phố). Mặc dù năm 2023 đã có nhiều cuộc họp Liên ngành cũng như UBND TP Hà Nội có nhiều chỉ đạo, tuy nhiên vấn đề này vẫn chưa được giải quyết.

b. Dự án Khu nhà ở liền kề Vinaconex 1 tại P. Hà Khánh, TP Hạ Long, Quảng Ninh:

Đã nộp Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân dự án lên Sở tài nguyên môi trường Quảng ninh làm cơ sở để thu nốt giá trị 5% còn lại của các hộ dân mua đất, nhà tại dự án. Tuy nhiên, hiện đang còn có một số vướng mắc cần giải quyết tại Sở Tài chính Quảng Ninh

c. Dự án toà nhà hỗn hợp Vinaconex 1 tại lô đất D9 - Khuất Duy Tiến, Q.Thanh Xuân, Hà Nội

Do vướng mắc một số cơ chế, chính sách của Nhà nước nên hiện tại Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện, hoàn thiện các thủ tục tiếp theo để có thể triển khai dự án.

2.4. Công tác quản lý tài chính, thanh quyết toán & thu hồi công nợ

a. Công tác quản lý tài chính:

- Đã rà soát, làm rõ số liệu tài chính một số công trình đã thi công xong và tình hình tài chính của đa phần các đơn vị sản xuất trực thuộc để có phương án kiểm soát tài chính phù hợp.

- Thực hiện chặt chẽ, kiểm soát tốt công tác tài chính đối với các công trình, dự án đang triển khai để giữ vững tình hình tài chính Công ty.

b. Công tác thanh quyết toán & thu hồi công nợ:

- Công tác thanh Quyết toán, thu hồi công nợ cũ vẫn được hết sức quan tâm chú trọng, triển khai thực hiện quyết liệt đồng bộ với nhiều giải pháp thiết thực về hỗ trợ pháp lý. Kết quả trong năm 2023, đã thực hiện được một số công việc đáng kể như:

+ Công tác quyết toán các công trình đã thi công xong từ lâu:

◦ Phần thân chung cư HH1 Nam Cường (218 tỷ đồng);

◦ Các hạng mục phụ trợ toà nhà Louis de Palace Tân Hoàng Minh: Sau rất nhiều nỗ lực, bằng rất nhiều giải pháp về pháp lý (thậm chí có nguy cơ không ký được, mất trắng giá trị còn lại khoảng 5 tỷ đồng) đã thống nhất ký Quyết toán công trình (Giá trị gần 30 tỷ đồng)

+ Công tác thu hồi công nợ cũ :

Đã thu hồi hết công nợ các công trình: Tập đoàn Sunshine (Chuyển đổi thành diện tích thương mại), Khu nhà ở Tiên Phương Thanh Hoá, Nhà xưởng Việt Trì, Chung cư Tasco Pháp Vân;

Thu hồi thêm 1 phần công nợ công trình Chung cư HH1 Chúc Sơn (Công nợ rất khó đòi)

2.5. Các mặt công tác khác, Công tác tổ chức cán bộ, tuyển dụng và đào tạo

- Bên cạnh việc chú trọng, thúc đẩy quyết liệt thực hiện các công tác chuyên môn để đáp ứng tốt nhất cho hoạt động SXKD , Công ty cũng luôn quan tâm chú trọng đến các mặt hoạt động khác trong doanh nghiệp đặc biệt là các hoạt động để nâng cao đời sống tinh thần, động viên khích lệ người lao động,...

- Năm 2023 là năm hết sức đặc biệt trong đời sống của CBCNV, người lao động Vinaconex 1 đó là: Kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Tổng công ty Vinaconex, Kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Công ty cổ phần xây dựng số 1. Để thiết thực chào mừng các sự kiện trọng đại này, Công ty đã triển khai thực hiện nhiều chương trình cụ thể trên cả các phương diện liên quan đến SXKD và đời sống văn hoá tinh thần cho toàn bộ CBCNV, người lao động trong toàn Công ty, đó là các đợt phát động thi đua về SXKD trên các công trình dự án nhân dịp 2 sự kiện trọng đại này – các hoạt động này đã

được Công ty tổ chức trang trọng, các đơn vị sản xuất đã nhiệt tình tham gia, hăng hay lao động SX để đạt thành tích; Công ty đã tổ chức đánh giá, trao thưởng xứng đáng kịp thời cho các tập thể/ cá nhân đạt thành tích. Bên cạnh đó, các hoạt động văn hoá thể thao để động viên khích lệ, gắn kết CBCNV, người lao động cũng được Công ty phát động, tổ chức sôi động, được toàn thể CBCNV hưởng ứng, tham gia tích cực các hoạt động nhân dịp kỷ niệm 35 năm thành lập TCT (Giải bóng đá, Hội diễn văn nghệ, các hoạt động chạy bộ Online,...) và các hoạt động chào mừng 50 năm ngày thành lập Công ty (Giải chạy bộ Online, Ngày hội Thể thao Vinaconex1,...) qua đó khơi dậy lòng tự hào là người lao động của Vinaconex nói chung và của Vinaconex1 nói riêng.

- Song song với các hoạt động SXKD, hằng năm Công ty luôn quan tâm và thực hiện thường xuyên các hoạt động xã hội khác như: thăm hỏi, tặng quà cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn các dịp Lễ Tết, các hoạt động Đền ơn đáp nghĩa ngày Thương binh liệt sỹ 27/7,,,

- Công tác tổ chức, cán bộ: Tiếp tục duy trì, ổn định đội ngũ cán bộ các cấp từ Công ty đến các phòng ban, đơn vị sản xuất trực thuộc

- Công tác tuyển dụng, đào tạo:

+ Thực hiện thường xuyên, liên tục công tác tuyển dụng để phát triển đội ngũ CNCNV cả về số lượng và chất lượng.

+ Công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ, nhân viên cũng được chú trọng, thường xuyên. Thực hiện nâng bậc lương định kỳ cho người lao động đủ điều kiện.

- Công tác giải quyết chế độ, chính sách: thực hiện các chế độ BHXH, BHYT, BHTN, nghỉ phép năm đầy đủ, kịp thời đúng quy định của pháp luật và của Công ty.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

I. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

1. Các căn cứ để xây dựng KH năm 2024:

Năm 2024 nền kinh tế Việt Nam được dự báo có nhiều khởi sắc, các thể chế về Luật (trong đó có Luật đất đai) đã được Quốc hội tháo gỡ thông qua làm tiền đề cho việc phát triển (tháo gỡ cho thị trường Bất động sản bị đóng băng trong thời gian qua) , Chính phủ tiếp tục thực hiện quyết liệt các chương trình phát triển kinh tế xã hội trong đó Đầu tư công tiếp tục được thúc đẩy. Bên cạnh đó tình hình tài chính ngân hàng đã ổn định hơn, lãi suất được đưa về mức hợp lý cho hoạt động SXKD của doanh nghiệp. Với các tín hiệu tích cực về kinh tế vĩ mô sẽ là tiền đề cho sự phát triển của các doanh nghiệp.

Năm 2024, công tác thi công xây lắp vẫn được định vị là công tác xương sống, then chốt trong hoạt động SXKD của Công ty – do công tác đầu tư, kinh doanh bất động sản vẫn chưa được tháo gỡ; với các nền tảng trong việc tìm kiếm phát triển thị trường từ cuối năm 2023; với cá số liệu về giá trị các Hợp đồng đã ký năm 2023 chuyển tiếp sang năm 2024 và một số công trình, dự án dự kiến sẽ tiếp thị ký Hợp đồng năm 2024 sẽ có đủ công ăn việc làm ổn định cho CNCNV Công ty trong năm 2024.

2. Kế hoạch năm 2024:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch 2024	
		Giá trị	Giá trị	% so TH2023
	1	2	3	4
I	Tổng giá trị SXKD	251.874	656.923	366%
1	Xây lắp (cả vật tư A cấp)	237.460	643.234	271%
2	Sản xuất kinh doanh khác	14.414	13.689	95%
II	Doanh thu	222.688	537.157	242%
1	Xây lắp (cả vật tư A cấp)	208.274	523.468	252%
2	Sản xuất kinh doanh khác	14.414	13.689	95%

III	Lợi nhuận trước thuế	4.896	13.149	342%
IV	Lợi nhuận sau thuế	2.621	10.230	462%

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2023

1. Công tác phát triển thị trường, tìm kiếm việc làm :

- Công tác tiếp thị, thị trường: Với các nền tảng đã thực hiện được trong năm 2023, công tác tiếp thị phát triển thị trường tìm kiếm công việc tiếp tục được thúc đẩy mạnh hơn, hoạt động theo hướng nhanh nhạy hiệu quả hơn. Bên cạnh việc tìm kiếm thị trường theo phương thức truyền thống (đầu thầu, chào giá thi công xây lắp thuần túy theo yêu cầu của Chủ đầu tư ,...). Công ty định hướng sẽ thực hiện việc liên danh liên kết để thực hiện đấu thầu, chào giá theo hình thức Tổng thầu (Thiết kế - Thi công) đối với các loại hình dự án phù hợp như: Khu nhà ở thấp tầng, các Nhà máy trên các khu công nghiệp,.

- Công tác chuyên môn nghiệp vụ trong đấu thầu, chào giá sẽ được hoàn thiện hơn theo hướng tinh gọn về mặt hồ sơ với chất lượng cao hơn, xây dựng Giá thành hợp lý cạnh tranh nhất,...

- Tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ và phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với các phòng ban chức năng của Tổng công ty trong công tác tìm kiếm, phát triển thị trường, phát huy tối đa các mối quan hệ, bằng mọi nguồn lực tích cực tìm kiếm công việc ở mọi lĩnh vực xây lắp để có thêm việc làm cho năm 2024 và những năm tới.

2. Công tác thi công xây lắp:

- Khẩn trương hoàn thành các công trình đang thi công dở dang, kết hợp đẩy mạnh công tác nghiệm thu, xác nhận doanh thu, thu hồi vốn, thanh quyết toán tất cả các công trình bị tồn đọng. Nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh trong quản lý thi công xây lắp, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh ngày càng gay gắt, khốc liệt.

- Tiếp tục thực hiện, áp dụng triệt để mô hình Công ty trực tiếp quản lý trong thi công xây lắp cho tất cả các công trình. Công ty trực tiếp thực hiện bằng việc đổi tên, thành lập các Ban QLDA để nâng cao hơn nữa ý thức trách nhiệm của bộ máy quản lý nhằm tránh thất thoát lãng phí, nâng cao hiệu quả... thì ngoài việc tìm kiếm, lựa chọn, bố trí cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất đảm nhận vị trí Lãnh đạo BQLDA thi công.

- Công tác quản lý chất lượng tiến độ: Bên cạnh việc áp dụng và hoàn thiện mô hình quản lý, công tác quản lý giám sát về tiến độ, chất lượng cũng sẽ được quan tâm chú trọng hơn ngay từ các khâu lập phương án trước khi thi công như: Giải pháp, biện pháp thi công chi tiết, hợp lý; Tiến độ thi công chi tiết phù hợp các giai đoạn thi công, điều kiện về nhân vật lực,... Trong quá trình triển khai thi công sẽ tăng cường công tác giám sát chất lượng, tiến độ bằng các khâu kiểm tra giám sát, nghiệm thu nội bộ,... kỹ càng của các phòng ban chuyên môn. Sau mỗi giai đoạn thi công sẽ có các buổi nghiệm thu nội bộ giai đoạn thi công để kiểm tra đánh giá, đúc rút kinh nghiệm và đưa ra các giải pháp khắc phục.

- Công tác quản lý ATLĐ & VSCN, hình ảnh thương hiệu: Trong thời gian qua công tác này đã được quan tâm chú trọng, triển khai thực hiện đồng bộ trên tất cả các công trình dự án thi công, tuy nhiên, công tác này cần được thúc đẩy, thực hiện đồng bộ hơn nữa để tiến tới một đẳng cấp mới. Công ty sẽ thực hiện các công tác hình ảnh, thương hiệu; ATLĐ & VSCN của Công ty cũng như của Tổng công ty theo đúng qui định một cách đồng bộ cho tất cả các công trình, dự án bằng việc kiện toàn lực lượng cán bộ chuyên trách công tác ATLĐ để thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao tốt hơn, bài bản và chuyên nghiệp hơn.

3. Công tác đầu tư, kinh doanh bất động sản

- Dự án đầu tư, xây dựng – kinh doanh hạ tầng Khu nhà ở liền kề của Công ty cổ phần xây dựng số 1 tại phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh:

Ngày 05/03/2024, tỉnh Quảng Ninh đã tổ chức cuộc họp liên ngành gồm Sở tài chính, Sở tài nguyên môi trường, Sở xây dựng, UBND Thành phố Hạ Long với Công ty cổ phần xây dựng số 1 về việc rà soát phương án thu bổ sung tiền sử dụng đất đối với dự án Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu nhà ở liền kề của Công ty cổ phần xây dựng số 1 tại phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh và đã đi đến thống nhất phương án xác định nghĩa vụ tài chính để thực hiện công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân.

- Dự án Tòa nhà C1 (quỹ đất 20%) tại 289 A Khuất Duy Tiến, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy: Trong tháng 3 năm 2024, Công ty phối hợp với các Nhà đầu tư (4 Nhà đầu tư) có các dự án xây nhà ở thương mại (tương tự như dự án nhà C1) theo cơ chế đặt hàng của UBND thành phố Hà nội

để làm quỹ nhà tái định cư làm văn bản Kiến nghị đến Thường trực Thành uỷ Hà Nội để khẩn thiết đề nghị giải quyết nhằm tháo gỡ cho công tác bán hàng các dự án này.

- Dự án tòa nhà hỗn hợp Vinaconex 1 tại lô đất D9 đường Khuất Duy Tiến – Phường Thanh Xuân Bắc: Kiến nghị cổ đông lớn hỗ trợ để thực hiện việc chuyển đổi mục đích đầu tư sang đầu tư dự án tòa nhà văn phòng để đủ điều kiện pháp lý thực hiện đầu tư.

4. Công tác quản lý tài chính, thanh quyết toán & thu hồi công nợ:

Công tác quản lý tài chính:

- Tăng cường các biện pháp kiểm soát tài chính đối với các BDH thi công, chuẩn bị tốt các phương án tài chính cho hoạt động SXKD.

- Đẩy mạnh và quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ tồn đọng lâu ngày, đề xuất các biện pháp xử lý công nợ khó đòi.

- Tập trung giải quyết rút điểm công tác thanh quyết toán các công trình đã hoàn thành.

- Tiếp tục rà soát một số khoản nợ phải thu khó đòi kéo dài nhiều năm trình HĐQT.

- Rà soát, làm rõ số liệu tài chính một số công trình, dự án đã thi công xong để có phương án kiểm soát tài chính phù hợp; quyết liệt, sâu sát và thực hiện những giải pháp linh hoạt để thu hồi công nợ; Tăng cường giám sát kiểm tra các đơn vị trực thuộc để phản ánh kịp thời hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Từng bước nâng cao chất lượng hoạt động và hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2024.

Công tác thanh quyết toán & thu hồi công nợ:

Tiếp tục thực hiện quyết liệt theo chỉ đạo và định hướng của HĐQT Công ty trong công tác này, thực hiện quyết liệt Công tác quyết toán thu hồi công nợ đối với các công trình đã thi công xong thời gian gần. Đặt mục tiêu trọng tâm là hoàn thành quyết toán đối với các nhóm công trình cụ thể như sau:

- Công tác thanh quyết toán các công trình đã thi công xong:

+ Hoàn thành công tác quyết toán cụm công trình của tập đoàn BIM tại Hạ Long, Bệnh viện nội tiết TW, Chung cư HH1 Chúc Sơn,...

+ Hoàn thành quyết toán 2 gói thầu Nhà ở thấp tầng đã ký với Tập đoàn Nam Cường là: 39 căn tại KĐT Đô Nghĩa, 62 căn tại KĐT Dương Nội.

+ Hoàn thành quyết toán công trình CN5 Thành Công - Quảng Ninh

- Công tác thu hồi công nợ nội bộ: Ban điều hành Công ty sẽ tiếp tục thực hiện việc rà soát công nợ của từng đơn vị, phân tích đánh giá khách quan từng công trình dự án để đề xuất HĐQT phương án xử lý hợp lý, đúng pháp luật.

5. Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp, tổ chức cán bộ và đào tạo:

- Trình HĐQT phương án tái cấu trúc, thành lập các đơn vị sản xuất mới trên cơ sở, nền tảng 1 số đơn vị sản xuất hiện tại để đáp ứng nhiệm vụ SXKD trong tình hình mới.

- Tăng cường công tác tuyển dụng cán bộ để tăng cường, thay thế những bộ phận không đáp ứng được yêu cầu công việc.

- Tăng cường công tác đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ, nhân viên nhằm tăng cường sức mạnh của Công ty trong chiến lược kinh doanh giai đoạn hiện nay.

LỜI KẾT

Là doanh nghiệp trực thuộc Tổng công ty VINACONEX có nhiều năm hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thi công xây lắp, tập thể Lãnh đạo và toàn thể CBCNV công ty với tinh thần đoàn kết, cố gắng cùng nhau vượt qua khó khăn để vươn lên, với sự ủng hộ giúp đỡ về mọi mặt của Tổng công ty cổ phần Vinaconex; Công ty cổ phần xây dựng số 1 quyết tâm phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024, duy trì sự phát triển ổn định của Công ty, phát huy hiệu quả đồng vốn của các cổ đông.

Số:...../2024/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày ... tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỪNG THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2023

Trước bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và những khó khăn về nguồn việc và tài chính Công ty phải đối mặt trong năm 2023, HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty đã đưa ra những giải pháp quản trị điều hành linh hoạt nhằm duy trì ổn định hoạt động SXKD của Công ty.

Mặc dù chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận chưa đạt so với kế hoạch đề ra (chi tiết được nêu trong Báo cáo của Ban Tổng giám đốc trình Đại hội), nhưng trong bối cảnh khó khăn chung, đa số doanh nghiệp xây dựng suy giảm về doanh thu, lợi nhuận trong năm 2023 thì những kết quả SXKD có được cũng rất đáng ghi nhận, đặc biệt là nửa cuối năm 2023, tình hình SXKD của Công ty đã có nhiều dấu hiệu khởi sắc.

II. ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023

1. Về công tác tổ chức và hoạt động của HĐQT:

Tại kỳ họp thường niên năm 2023, Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2019 – 2024, bầu bổ sung 02 thành viên thay thế thành viên từ nhiệm, trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT.

Sau khi được kiện toàn, với năng lực, kinh nghiệm kết hợp với thế mạnh cá nhân của từng thành viên, HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHCĐ giao, hoạt động tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty. Mỗi thành viên HĐQT đều phát huy được năng lực và vai trò trong lĩnh vực được phân công phụ trách. Tất cả các thành viên HĐQT đều được đào tạo về quản trị công ty đại chúng.

Các cuộc họp HĐQT được tổ chức định kỳ hàng quý theo quy định. Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp, ban hành 09 Quyết định (tại các cuộc họp trực tiếp hoặc xin ý kiến bằng văn bản) để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Công ty và chỉ đạo Ban điều hành trong việc thực hiện các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao. Các Nghị quyết, Quyết định chủ yếu tập trung vào các nội dung:

- Chỉ đạo Ban điều hành đầu tư mua tài sản bất động sản sàn thương mại dịch vụ tại Dự án Sunshine City (15/01/2023)

- Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (17/01/2023)
- Bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty đối với ông Đỗ Lê Tân (07/03/2023)
- Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 (20/03/2023)
- Bổ nhiệm lại chức vụ Tổng giám đốc Công ty đối với ông Hoàng Văn Trình (ngày 22/03/2023)
- Thông qua việc ký kết hợp đồng thầu phụ gói thầu thi công xây dựng phần ngầm, kết cấu phần thân, xây thô và hoàn thiện mặt ngoài 74 căn biệt thự A3 A4 - Dự án KĐT Cái Giá - Cát Bà (22/05/2023)
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2023 (28/06/2024)
- Thông qua việc ký kết hợp đồng thầu phụ thi công xây lắp dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp công nghệ cao - Khu công nghệ cao Hoà Lạc (26/08/2023)
- Thông qua việc ký kết hợp đồng thầu phụ gói thầu thi công xây lắp hạ tầng kỹ thuật tuyến 6.31-6.35, tuyến 4.4, tuyến 4.6 - Dự án KĐT Cái Giá - Cát Bà (26/09/2023).

2. Hoạt động của từng thành viên HĐQT:

HĐQT có các phiên họp mở rộng với sự tham dự của Ban kiểm soát và Ban điều hành; phối hợp với Ban kiểm soát trong việc chỉ đạo, giám sát hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Ban điều hành để có thể đưa ra những chủ trương, định hướng kịp thời, phù hợp với tình hình hoạt động SXKD của Công ty. Các thành viên tham dự họp đầy đủ, thảo luận, đưa ra các ý kiến đóng góp để HĐQT đưa ra các quyết sách phù hợp nhất.

Đề nghị quý cổ đông xem chi tiết tại Phụ lục 01 gửi kèm báo cáo này.

3. Thù lao, tiền lương của HĐQT, BKS, Tổng giám đốc:

Đề nghị Quý cổ đông xem chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2023 của Công ty được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ www.vinaconex1.com.vn.

4. Các cuộc họp và Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị:

Đề nghị Quý cổ đông xem chi tiết tại Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ www.vinaconex1.com.vn.

III. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc, đứng đầu là Tổng giám đốc, đã điều hành hoạt động SXKD của Công ty tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và Đăng ký kinh doanh.

Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc là những cán bộ có kinh nghiệm, năng lực, trình độ và tinh thần trách nhiệm. Tổng giám đốc đã chỉ đạo triển khai đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; xây dựng cơ chế làm việc minh bạch, phân quyền cụ thể để mỗi thành viên có thể phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo và chịu trách nhiệm trong lĩnh vực công tác được giao.

Tổng giám đốc thực hiện chế độ họp giao ban định kỳ hàng tuần với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban, các Ban điều hành công trình để chỉ đạo các công việc hàng ngày của Công ty và triển khai các quyết định, nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ giao một cách triệt để - quyết liệt – kịp thời nhằm hoàn thành kế hoạch được giao.

Một số điểm chính trong các tác điều hành của Tổng giám đốc trong năm 2023:

- **Trong hoạt động xây lắp:** Ban Tổng giám đốc đã đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn lao động tại các dự án được triển khai như: ...

Trong năm 2023, theo uỷ quyền tại Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/03/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và theo quyết định của HĐQT, Tổng giám đốc Công ty đã ký kết một số hợp đồng, giao dịch với 01 đơn vị thành viên của Tổng công ty cổ phần Vinaconex (nắm giữ 55.4% cổ phần tại Công ty) là Công ty TNHH MTV Vinaconex Xây dựng (Vinaconex CM), bao gồm:

+ Hợp đồng thầu phụ số 225/2023/HĐTP/CM-VC1, ký ngày 22/05/2023 về việc Thi công xây dựng phần ngầm, kết cấu thân, xây thô và hoàn thiện mặt ngoài 74 căn biệt thự khu A3,A4 Cát Bà với giá trị 130.110.000.000 đồng.

+ Hợp đồng thầu phụ số 298/2023/HĐTP/CM-VC1, ký ngày 29/08/2023 về việc Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp công nghệ cao 2 – Khu công nghệ cao Hoà Lạc. Giá trị thực hiện 100.585.950.482 đồng.

+ Hợp đồng thầu phụ số 0110/2023/HĐTP/CM-VC1, ký ngày 01/10/2023 về việc Thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật tuyến 6.31-6.35, tuyến 4.4, tuyến 4.6 – Dự án Khu du lịch Cái Giá – Cát Bà. Giá trị thực hiện: 120.246.898.003 đồng.

Về công tác đấu thầu: Công ty đã trúng thầu nhiều dự án với giá trị đạt 527 tỷ đồng., tiêu biểu như: Gói thầu Thi công xây dựng, hoàn thiện các hạng mục xưởng hàn, xưởng lắp ráp các hạng mục phụ trợ - Dự án đầu tư xây dựng nhà máy ô tô Thành Công Việt Hưng; gói thầu Thi công nhà điều hành và các hạng mục phụ trợ - Dự án đầu tư xây dựng bến số 5 của Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Hateco; Thi công hoàn thiện khối 18 tầng Khách sạn quốc tế Đồ Sơn...

- Trong hoạt động kinh doanh bất động sản: Công ty đã duy trì hiệu quả công tác cho thuê diện tích thương mại, văn phòng thuộc sở hữu của Công ty và khai thác có hiệu quả 02 tầng hầm trong giữ xe tại Khu VP và nhà ở cao cấp Vinaconex 1.
- **Trong các hoạt động khác:** Công tác quan hệ cổ đông, công bố thông tin được thực hiện tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Các hoạt động của Đảng ủy và Công đoàn công ty tiếp tục được duy trì tốt.

IV. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TỒN TẠI TRONG NĂM 2023:

- Năm 2023, nền kinh tế Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức và sự bất ổn của nền kinh tế toàn cầu, tiềm ẩn nhiều nguy cơ đối với sự phát triển ổn định của các doanh nghiệp.
- Nhu cầu xây dựng thấp, giá xăng dầu, vật liệu xây dựng, chi phí nhân công và lãi vay đều tăng cao ảnh hưởng trực tiếp lợi nhuận xây lắp của doanh nghiệp.
- Trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản hiện còn tồn tại một số công việc chưa được giải quyết dứt điểm tại lo đất D9 Khuất Duy Tiến, dự án Toà chung cư C1 chưa được phép bán hàng để thu hồi vốn đã đầu tư.

V. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2024:

Từ cuối năm 2023, tình hình SXKD của Công ty đã có nhiều dấu hiệu khởi sắc, thể hiện bằng việc Công ty liên tiếp trúng thầu thi công nhiều công trình. Trên cơ sở đánh giá, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến các lĩnh vực SXKD của Công ty, nhưng với quyết vượt khó của toàn thể ban lãnh đạo và người lao động, HĐQT xác định một số nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện như sau:

- Tập trung chỉ đạo, phối hợp và giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai các giải pháp nhằm thực hiện thành công kế hoạch SXKD năm 2024 được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Tiếp tục tập trung nguồn lực để hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng các dự án thi công xây lắp.

- Tiếp tục tập trung tìm kiếm nguồn việc xây lắp, đẩy mạnh công tác cho thuê mặt bằng tại các diện tích thương mại hiện có.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh của VINACONEX 1 trong mọi lĩnh vực; đẩy mạnh công tác đấu thầu các dự án của chủ đầu tư có nguồn vốn tốt; triển khai công tác bán hàng tại dự án Tòa chung cư C1 khi có chủ trương của Thành phố.
- Quản lý và sử dụng dòng tiền một cách khoa học, linh hoạt, đúng quy định, đảm bảo an toàn tài chính; tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, quyết toán các dự án dở dang.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông để nâng cao hình ảnh, thương hiệu của VINACONEX 1.
- Đảm bảo việc làm và duy trì thu nhập cho CBNV. Thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng, xã hội.

Hội đồng quản trị xin trân trọng báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Khắc Hải

PHỤ LỤC 1: HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT NĂM 2023

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự/ủy quyền tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Khắc Hải	Chủ tịch	4/4	100%	
2	Ông Hoàng Văn Trinh	Thành viên	4/4	100%	
3	Lại Đức Toàn	Thành viên	3/4	75%	Bổ nhiệm mới ngày 23/03/2023
4	Nguyễn Minh Thắng	Thành viên	4/4	100%	
5	Nguyễn Thành Nhơn	TV độc lập	3/4	75%	Bổ nhiệm mới ngày 23/03/2023
6	Hoàng Thiệu Bảo	Thành viên	1/4	25%	Từ nhiệm ngày 23/03/2023
7	Ông Đỗ Lê Tân	Thành viên	1/4	25%	Từ nhiệm ngày 23/03/2023

1. Ông Nguyễn Khắc Hải – Chủ tịch HĐQT:

- ✓ Chỉ đạo việc lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT từng tháng, quý; Chỉ đạo việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp ĐHCĐ, HĐQT, Chủ tọa họp HĐQT.
- ✓ Ký ban hành các Quyết định thay mặt HĐQT và các vấn đề được HĐQT phân công theo Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.
- ✓ Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; chỉ đạo việc xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản về các vấn đề cần quyết nghị trong thời gian giữa các phiên họp HĐQT định kỳ để kịp thời đáp ứng yêu cầu SXKD của Công ty.
- ✓ Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được HĐQT ủy quyền theo Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.

2. Ông Hoàng Văn Trinh – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc:

- ✓ Thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT Công ty.
- ✓ Thực hiện nhiệm vụ Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty; Trực tiếp chỉ đạo, điều hành toàn diện hoạt động SXKD của Công ty trên cơ sở kế hoạch được ĐHCĐ phê duyệt, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- ✓ Thực hiện nhiệm vụ do HĐQT ủy quyền cho Tổng giám đốc theo quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT Công ty.

3. Ông Nguyễn Minh Thắng – Thành viên HĐQT:

- ✓ Thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT Công ty.

4. Ông Lại Đức Toàn – Thành viên HĐQT:

- ✓ Thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT Công ty.

5. Ông Nguyễn Thành Nhơn – Thành viên HĐQT:

- ✓ Thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT Công ty.
- ✓

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2024

Số: /2024/TTr-HĐQT

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng số 1 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 23/03/2021;

Ngày /03/2024, Công ty cổ phần xây dựng số 1 đã hoàn thành việc lập và công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán Việt Nam (AASC). Báo cáo tài chính năm 2023 được Công ty công bố trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và website Công ty.

Tóm tắt một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính năm 2023 của công ty như sau:

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023
1	Tổng Doanh thu	222.687.685.088
2	Lợi nhuận trước thuế	4.896.210.535
3	Lợi nhuận sau thuế	2.620.614.329

(Nguồn số liệu: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 tại BCTC đã được kiểm toán)

2. Bảng cân đối kế toán (tóm tắt) tại ngày 31/12/2023:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	01/01/2023
I	Tổng tài sản	709.554.270.295	678.052.574.331
1	Tài sản ngắn hạn	625.806.028.303	614.866.268.389
	Tiền và các khoản tương đương tiền	8.551.092.862	465.348.056
	Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.250.000.000	300.000.000
	Các khoản phải thu ngắn hạn	445.782.267.142	463.140.004.844
	Hàng tồn kho	164.222.668.299	150.960.915.489
2	Tài sản dài hạn	83.748.241.992	63.186.305.942
	Phải thu dài hạn	50.000.000	50.000.000

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	01/01/2023
	Tài sản cố định	11.204.644.586	11.981.758.273
	Bất động sản đầu tư	70.361.301.997	47.489.540.896
	Tài sản dở dang dài hạn	1.630.453.207	1.630.453.207
	Đầu tư tài chính dài hạn	105.305.171	1.455.305.171
	Tài sản dài hạn khác	396.537.031	579.248.395
II	Nguồn vốn	709.554.270.295	678.052.574.331
1	Nợ phải trả	461.735.160.716	432.893.053.366
1.1	Nợ ngắn hạn	461.735.160.716	432.893.053.366
	<i>Trong đó:</i>		
	- Phải trả người bán ngắn hạn	127.586.104.724	178.142.778.771
	- Phải trả ngắn hạn khác	51.577.956.666	89.890.129.931
	- Vay ngắn hạn	101.835.949.193	84.690.358.268
1.2	Nợ dài hạn	243.136.000	265.636.000
	Phải trả dài hạn khác	243.136.000	265.636.000
2	Vốn chủ sở hữu	247.819.109.579	245.159.520.965
	<i>Trong đó:</i>		
	- Vốn góp của chủ sở hữu	120.000.000.000	120.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	86.000.164	86.000.164
	- Quỹ đầu tư phát triển	70.020.770.628	70.020.770.628
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	57.712.338.787	55.052.750.173

(Nguồn số liệu: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023 tại BCTC đã được kiểm toán)
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng số 1 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Nơi nhận:

- Như k/g;
- Lưu, TCKT, TK

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Khắc Hải

Số:...../2024/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và
Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023:

Theo Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần xây dựng số 1 do Công ty TNHH Kiểm toán AASC kiểm toán, số liệu cụ thể như sau: ĐVT: VNĐ

1. Doanh thu thuần:	222.687.685.088
2. Lợi nhuận sau thuế:	2.620.614.329
4. Lợi nhuận còn lại các năm trước chưa phân phối:	55.091.724.458
Dự kiến không chi trả cổ tức và trích lập các quỹ phúc lợi khen thưởng từ lợi nhuận lũy kế đến hết năm 2023 do dự án C1 chưa được phép bán hàng thu hồi vốn để có dòng tiền.	
Lợi nhuận sau thuế còn lại chuyển giao năm sau:	57.712.338.787

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024:

Theo kế hoạch SXKD năm 2024 của Công ty cổ phần xây dựng số 1 dự kiến như sau:

1. Doanh thu thuần:	537.157.106.867
2. Lợi nhuận trước thuế:	13.149.183.046
3. Lợi nhuận sau thuế:	10.230.233.709
4. Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối đến hết năm 2024:	67.942.572.496

Dự kiến không chi trả cổ tức và trích lập các quỹ phúc lợi khen thưởng từ lợi nhuận lũy kế đến hết năm 2024. Công ty sẽ trình ĐHCĐ chia cổ tức khi thu hồi vốn dự án C1.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Khắc Hải

Số:...../2024/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023
Kế hoạch chi trả năm 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xây dựng số 1 ban hành ngày 23/03/2021;
- Căn cứ nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/03/2023 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty CP XD số 1.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng số 1 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua đề xuất về mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty cổ phần xây dựng số 1 như sau:

I. Thực hiện năm 2023: Tổng số: 900.000.000 đồng

1. Thù lao Hội đồng quản trị

- Chủ tịch HĐQT: 15.000.000 đồng x 12 tháng = 180.000.000 đồng
- Thành viên HĐQT: 10.000.000 đồng x 4 người x 12 tháng = 480.000.000 đồng

2. Thù lao Ban kiểm soát

- Trưởng ban kiểm soát: 10.000.000 đồng x 12 tháng = 120.000.000 đồng
- Thành viên BKS: 5.000.000 đồng x 2 người x 12 tháng = 120.000.000 đồng

II. Kế hoạch năm 2024

1. Thù lao Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 15.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị: 10.000.000 đồng/người/tháng

2. Thù lao Ban kiểm soát:

- Trưởng ban kiểm soát: 10.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/người/tháng

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Khắc Hải

Số: /2024/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua chủ trương giao dịch với Tổng công ty CP VINACONEX và/hoặc công ty thành viên trong cùng tập đoàn/nhóm Vinaconex.

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xây dựng số 1;

Công ty cổ phần xây dựng số 1 (VINACONEX 1) được thành lập ngày 16/11/1973 và hiện do Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (VINACONEX) nắm 55,4% Vốn Điều lệ. Công ty cổ phần xây dựng số 1 hoạt động chính trong mảng xây dựng dân dụng và công nghiệp của Tổng công ty CP VINACONEX.

Công ty Vinaconex 1 cùng với Tổng công ty CP VINACONEX và các đơn vị thành viên khác của Tổng công ty CP VINACONEX hoạt động theo mô hình Tổng công ty, là nhóm công ty có mối quan hệ với nhau thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc liên kết khác.

Dưới mô hình hoạt động Tổng công ty, Tổng công ty CP VINACONEX thực hiện vai trò định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường, phát triển thương hiệu của cả Tổng công ty; Các công ty con, công ty liên kết trong hệ thống được phân chia hoạt động trong các lĩnh vực chuyên ngành cụ thể và thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo định hướng chiến lược chung của Tổng công ty.

Để tiếp tục phát huy được thế mạnh hoạt động theo mô hình Tổng công ty và đồng thời đảm bảo sự kết nối xuyên suốt với Tổng công ty CP VINACONEX trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như sự phối hợp hoạt động chung với Tổng công ty và các đơn vị thành viên trong hệ thống Tổng công ty CP VINACONEX, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua nội dung sau:

1. Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch trong tương lai giữa Công ty cổ phần xây dựng số 1 với Tổng công ty CP VINACONEX và/hoặc các đơn vị thành viên của Tổng công ty CP VINACONEX (theo danh sách chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo) theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty được quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của các hợp đồng, giao dịch cụ thể tại mục 1 nêu trên, kể cả việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế các hợp đồng, giao dịch đó.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng số 1 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn !

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC, TK.

Nguyễn Khắc Hải

**PHỤ LỤC 1 - DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
CỦA TỔNG CÔNG TY CP VINACONEX**

TT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn điều lệ đăng ký (VND)	Ghi chú
A	CÔNG TY CON CỦA TỔNG CÔNG TY VINACONEX		
1	Công ty TNHH MTV Vinaconex Xây dựng	800.000.000.000	
2	Công ty TNHH MTV Vinaconex Đầu tư	1.500.000.000.000	
3	Công ty TNHH Thủy tinh Pha lê Bohemia Hà Nội	136.973.815.950	Công ty con của Vinaconex Đầu tư
4	Công ty CP Bất động sản Vinaconex	440.000.000.000	Công ty con của Vinaconex Đầu tư
5	Công ty CP Xây dựng số 1	120.000.000.000	
6	Công ty CP Xây dựng số 17 Vinaconex	15.075.836.146	
7	Công ty CP VIMECO	237.589.510.000	
8	Công ty CP hệ thống giáo dục quốc tế Vimeco	100.000.000.000	Công ty con của Vimeco
9	Công ty CP Viwaco	320.000.000.000	
10	Công ty CP Vinaconex Dung Quất	47.980.430.000	
11	Công ty CP Đầu tư và PT Điện Miền Bắc 2 (Nedi2)	499.939.607.633	
12	Công ty CP Đầu tư và PT du lịch Vinaconex (ITC)	2.100.000.000.000	
13	Công ty CP BOO Nước sạch Sapa	58.573.500.000	
14	Công ty CP Vinaconex Sài Gòn	61.014.930.000	
15	Công ty TNHH MTV Giáo dục Lý Thái Tổ	137.568.882.884	
16	Công ty CP Bách Thiên Lộc	500.000.000.000	
17	Công ty CP Xây dựng số 16	15.000.000.000	
18	Công ty CP Vinaconex 27	17.792.770.000	
19	Công ty Xây dựng số 4	3.500.000.000	
20	Các công ty con khác của Tổng công ty CP Vinaconex (gia nhập vào nhóm Vinaconex trong tương lai thông qua việc thành lập mới hoặc thông qua giao dịch mua bán sáp nhập của Vinaconex)		
B	CÔNG TY LIÊN DOANH - LIÊN KẾT CỦA TỔNG CÔNG TY VINACONEX		
21	Công ty CP Xây dựng số 12	116.360.000.000	
22	Công ty TNHH bê tông nhựa Tấn Lộc	25.000.000.000	
23	Công ty CP Phát triển Thương mại Vinaconex	147.780.000.000	
24	Công ty CP Xi măng Cẩm Phả	2.000.000.000.000	
25	Công ty CP Đầu tư BOT Hà Nội-Bắc Giang	496.322.400.000	
26	Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ đô thị Việt Nam	160.000.000.000	
27	Công ty CP Cảng quốc tế Vạn Ninh	500.000.000.000	
28	Công ty TNHH Bê tông nhựa Vinaconex – Tấn Lộc	30.000.000.000	

Số: /2024/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Điều lệ năm 2024 của Công ty cổ phần xây dựng số 1

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành tùy từng thời điểm (“Luật Doanh nghiệp năm 2020”);
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 (Sau đây gọi là Luật sửa đổi số 03/2022/QH15);
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động năm 2021 của Công ty cổ phần xây dựng số 1.

I. Cơ sở pháp lý và nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ năm 2021 của Công ty

Ngày 11/01/2022, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường thứ nhất đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt là Luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 có hiệu lực từ 01/03/2022, trong đó **sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020 về Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua và sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 158 về Biên bản họp Hội đồng quản trị.**

Để ghi nhận những thay đổi nêu trên, Điều lệ năm 2021 của Công ty cần được sửa đổi những nội dung sau:

Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 21 của Điều lệ công ty về điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua như sau:

“Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua:

- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết** tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết** tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.”

II. Trình ĐHCĐ thông qua toàn văn Điều lệ năm 2024 và giao Người đại diện theo pháp luật của Công ty ký ban hành Điều lệ năm 2024

Căn cứ vào yêu cầu sửa đổi bổ sung Điều lệ năm 2021 của Công ty nêu trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua toàn văn Điều lệ năm 2024 của Công ty cổ phần xây dựng số 1 (chi tiết theo Phụ lục đính kèm);
2. Giao cho Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty ký ban hành Điều lệ năm 2024 của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC, TK.

Nguyễn Khắc Hải

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1
- VINACONEX 1 -

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

THÁNG 04 NĂM 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	2
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	2
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	2
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	3
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	4
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	4
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	4
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	4
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	5
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	5
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	5
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	5
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 12. Quyền của cổ đông	5
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	7
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 17. Thay đổi các quyền	10
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	27
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	16
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	16
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	18

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	19
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	20
Điều 31. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	21
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty.....	22
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	22
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	22
Điều 34. Người điều hành Công ty.....	22
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	23
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT.....	24
Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	24
Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát.....	24
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	24
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	25
Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	25
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	25
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	26
Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng.....	26
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	26
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	27
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	27
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	27
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	28
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn.....	28
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	28
Điều 47. Phân phối lợi nhuận.....	28
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	28
Điều 48. Tài khoản ngân hàng.....	28
Điều 49. Năm tài chính.....	28
Điều 50. Chế độ kế toán.....	29
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	29
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	29
Điều 52. Báo cáo thường niên.....	29
CHƯƠNG VI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	29
Điều 53. Kiểm toán.....	29
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	29
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp.....	29

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	30
Điều 55. Giải thể Công ty.....	30
Điều 56. Thanh lý	30
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	30
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	30
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	31
Điều 59. Điều lệ Công ty.....	31
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	31
Điều 60. Ngày hiệu lực	31

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty ngày 03 tháng 04 năm 2024.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) "**Vốn điều lệ**" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) "**Vốn có quyền biểu quyết**" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) "**Luật Doanh nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
 - d) "**Luật Chứng khoán**" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
 - e) "**Ngày thành lập**" là ngày ban hành quyết định thành lập Công ty cổ phần xây dựng số 1, là ngày 16/11/1973;
 - f) "**Người quản lý doanh nghiệp**" là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm;
 - g) "**Người điều hành doanh nghiệp**" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - h) "**Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - i) "**Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**" là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - j) "**Người phụ trách quản trị Công ty**" là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - k) "**Người có liên quan**" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - l) "**Cổ đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - m) "**Cổ đông lớn**" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n) "**Thời hạn hoạt động**" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
 - o) "**Việt Nam**" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - p) "**Công ty**" là Công ty cổ phần xây dựng số 1.
 - q) "**Vinaconex 1**" là tên viết tắt của Công ty cổ phần xây dựng số 1.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

- Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1**
 - Tên tiếng Anh: **CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1**
 - Tên viết tắt: **VINACONEX 1**
 - Mã chứng khoán: **VC1**
- Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Vinaconex 1, D9 Khuất Duy Tiến – Thanh Xuân Bắc – Thanh Xuân – Hà Nội
 - Điện thoại: (024) 38544057
 - Fax: (024) 38541679
 - Email: vinaconex1.vc1@gmail.com;
 - Website: www.vinaconex1.com.vn
- Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 55, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

- Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc Công ty.
- Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

- Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

TT	Ngành nghề mã hóa	Mã ngành
1	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: <ul style="list-style-type: none">Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệpXây dựng các công trình hạ tầng: giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước và xử lý môi trườngXây dựng đường dây và trạm biến thế	4290
2	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh phát triển khu đô thị mới, hạ tầng khu công nghiệp và kinh doanh bất động sản	6810
3	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

TT	Ngành nghề mã hóa	Mã ngành
	Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng	
4	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn đầu tư, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, lập dự án, tư vấn đấu thầu, tư vấn giám sát, quản lý dự án - Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp - Thiết kế hệ thống cấp thoát nước khu đô thị và nông thôn, xử lý nước thải và nước sinh hoạt - Thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp - Đo đạc, khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn phục vụ cho thiết kế công trình lập dự án đầu tư - Dịch vụ quản lý nhà ở đô thị và văn phòng cho thuê 	7110
5	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn du lịch lữ hành	5510
6	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý cho các hãng trong và ngoài nước kinh doanh các mặt hàng phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng	4610
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, xuất khẩu xây dựng	8299
8	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Thi công xây dựng cầu, đường	4210
9	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Sản xuất, gia công lắp đặt các sản phẩm cơ khí	2592
10	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa	5224
11	Phá dỡ Chi tiết: Phá dỡ các công trình dân dụng và công nghiệp	4311
12	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê thiết bị, máy móc xây dựng, giàn giáo cốp pha	7730

2. Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể thay đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật, sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty đã thực hiện thông báo thay đổi nội dung đăng ký tới cơ quan đăng ký kinh doanh và được cơ quan đăng ký kinh doanh đồng ý bổ sung vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
3. Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.
4. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 VND (Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 12.000.000 (Mười hai triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn đồng)/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty có thể được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần có thể được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty được lựa chọn theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát; và
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà mình sở hữu trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban

kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
 - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
 - d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ này.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty, bao gồm các nội dung sau: tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền, con dấu (nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức có con dấu).

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại thì quy định tại Điều khoản này sẽ không được áp dụng.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (nếu có);
 - c) Phiếu biểu quyết;

- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
- a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để

cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- 9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
- 10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

- 3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - f) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - g) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - h) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - i) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - j) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- 4. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
- 5. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
- 6. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
- 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
- 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp Công ty;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của

cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo các hình thức sau:

- a) Trường hợp gửi thư: phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết được gửi tới các cổ đông được thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có) đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.
 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có);
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:
- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử một (01) ứng cử viên;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
 - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
 - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
 - e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
 - f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;
 - g) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;
 - h) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên;
 - i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng cử viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị
 - a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

- b) Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:
 - i) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - ii) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - iii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
- 4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
- 5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - q) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị thấy cần thiết phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
 5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Trong trường hợp khẩn cấp, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức ngay khi được tất cả (100%) các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận và tham dự họp.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự họp các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.
Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.
12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
15. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

Điều 31. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của

Tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của Tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Tiểu ban.

- Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

- Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
- Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
- Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - Tham dự các cuộc họp;
 - Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

- Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

- Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp

phải có trách nhiệm miễn giảm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.
4. Tiền lương của người điều hành Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc Công ty; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - j) Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - k) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định

tại các quy chế của Công ty;

- l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
6. Hội đồng quản trị Công ty có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng Thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d) Các trường hợp khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản

trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông

và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu tiên (06/10/2003) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm 2003.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật

hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương và 60 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xây dựng số 1 nhất trí thông qua ngày 03 tháng 04 năm 2024 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Hoàng Văn Trình

PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký trụ sở chính	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)
01	Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam	Toà nhà VINACONEX Số 34, Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	6.616.216	66.162.160.000
02	Nguyễn Khánh Toàn	P 204 nhà H9, khu TT Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, HN	0	0
03	Phạm Quốc Mạnh	P 302 nhà A3, khu TT Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, HN	0	0

Số: /2024/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2024 của Công ty cổ phần xây dựng số 1

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành tùy từng thời điểm (“Luật Doanh nghiệp năm 2020”);
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 (Sau đây gọi là Luật sửa đổi số 03/2022/QH15);
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021 của Công ty cổ phần xây dựng số 1.

III. Cơ sở pháp lý và nội dung sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021 của Công ty

Ngày 11/01/2022, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp bất thường thứ nhất đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt là Luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15, trong đó **sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020 về Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua và sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 158 về Biên bản họp Hội đồng quản trị.**

Để ghi nhận những sửa đổi, bổ sung trên của Luật sửa đổi số 03/2022/QH15, Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021 của Công ty cần được sửa đổi những nội dung sau:

1. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 12 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021 về điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua như sau:

“Điều 12. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua:

7. *Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết** tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:*
 - k) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - l) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - m) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - n) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - o) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
8. *Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết** tại cuộc họp họp tán thành, trừ trường*

hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.”

- Sửa đổi khoản 2 Điều 25 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty về Biên bản họp Hội đồng quản trị như sau:

*“2. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị **tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký** và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. **Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ghi biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.**”*

IV. Trình ĐHCĐ thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2024 và giao Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2024 của Công ty

Căn cứ vào yêu cầu sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021 của Công ty nêu trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua các nội dung sau:

- Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2024 của Công ty cổ phần xây dựng số 1 (chi tiết theo Phụ lục đính kèm);
- Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2024 của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC, TK.

Nguyễn Khắc Hải

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1
- VINACONEX 1 -

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

THÁNG 04 NĂM 2024

MUC LUC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG 1

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 1

Điều 2. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông 1

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 2

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 3

Điều 5. Trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông) 4

Điều 6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông 5

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông 6

Điều 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 6

Điều 9. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu 6

Điều 10. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 7

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu 7

Điều 12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua 8

Điều 13. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 8

Điều 14. Công bố Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 9

Điều 15. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 9

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 10

Điều 16. Vai trò của Hội đồng quản trị 10

Điều 17. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị. 10

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 12

Điều 19. Nhiệm kỳ, cơ cấu và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 12

Điều 20. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị 12

Điều 21. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 13

Điều 22. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị 15

Điều 23. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 15

Điều 24. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị. 16

Điều 25. Biên bản họp Hội đồng quản trị 17

Điều 26. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 18

Điều 27. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty 18

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT 19

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 19

Điều 29.	Quyền và Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	19
Điều 30.	Thành phần Ban kiểm soát	20
Điều 31.	Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	20
Điều 32.	Cuộc họp của Ban Kiểm soát	22
Điều 33.	Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát	22

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC 22

Điều 34.	Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc;	22
Điều 35.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc	23

CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC 24

Điều 36.	Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	24
Điều 37.	Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc	25
Điều 38.	Phối hợp giữa Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc	25
Điều 39.	Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác	26

CHƯƠNG VII. HIỆU LỰC THI HÀNH 26

Điều 40.	Hiệu lực thi hành	26
----------	-------------------	----

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2021

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xây dựng số 1;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 03 tháng 04 năm 2024

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần xây dựng số 1.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần xây dựng số 1 bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế nội bộ về quản trị công ty này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan của Công ty.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:
 - Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

- b) Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
3. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

11. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán

được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
6. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
7. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.
- 3. Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 của Điều lệ Công ty.
- 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định

tại điểm c khoản 4 Điều 14 của Điều lệ Công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông)

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Công ty;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp
 - a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Công ty.
 - b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông
 - a) Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - b) Khi công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
 - c) Công ty phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ đến Trung tâm Lưu ký chứng khoán (VSD) chậm nhất 08 ngày làm việc liền trước ngày đăng ký cuối cùng hoặc một thời hạn khác theo quy định của VSD, trong đó phải nêu rõ các thông tin cơ bản sau:
 - i) Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng (Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc do Tổ chức phát hành hoặc VSD trên cơ sở ủy quyền của Tổ chức phát hành ấn định để xác định danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với thông báo của Tổ chức phát hành, VSD và quy định của pháp luật);
 - ii) Mục đích sử dụng danh sách;
 - iii) Nội dung cụ thể về thông tin quyền thực hiện (tỷ lệ thực hiện, ngày thực hiện, địa điểm thực hiện...).
4. Gửi Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông
 - a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
 - b) Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
 - c) Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đồng thời công bố trên trang thông tin

điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Trường hợp Công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương.

- d) Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - ii) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (nếu có);
 - iii) Phiếu biểu quyết;
 - iv) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
5. Kiến nghị bổ sung Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 - b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm a khoản 5 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - i) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm a khoản 5 Điều này;
 - ii) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty;
 - iii) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - iv) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - c) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm a khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty, bao gồm các nội dung sau: tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền, con dấu (nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức có con dấu).

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu

trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

1. Người triệu tập cuộc họp thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông;
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban kiểm tra tư cách cổ đông cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 9. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp;

3. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;
4. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
5. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
8. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 10. Thẻ thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc.
2. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
2. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.

3. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
4. Việc bỏ phiếu và kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Điều 12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 13. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có) đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

Điều 14. Công bố Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 15. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp Công ty;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo các hình thức sau:
 - a) Trường hợp gửi thư: phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban

kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
 - g) Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết được gửi tới các cổ đông được thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Vai trò của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị.

1. Quyền hạn của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - q) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch và Hội đồng quản trị cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - r) Các quyền hạn khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các trách nhiệm, nghĩa vụ sau:
- a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty.
 - b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
 - c) Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.
 - d) Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.
 - e) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.
 - f) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020.
 - g) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.
 - h) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty.

- i) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020.
- j) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty, Quy chế này, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị.
 - d) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - e) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - f) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối.
 - g) Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Công ty phải thực hiện báo cáo và công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.
 - h) Đăng ký, thông báo khi có thay đổi tới Hội đồng quản trị các thông tin nhân thân, thông tin liên lạc, điện thoại, thư điện tử (email), chữ ký điện tử (nếu có) và các thông tin khác của bản thân. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật email cá nhân của mình và chịu trách nhiệm đối với những ý kiến biểu quyết của mình qua email đã đăng ký với Hội đồng quản trị.
 - i) Các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 19. Nhiệm kỳ, cơ cấu và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.

Điều 20. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 21. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị
- Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:
- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử một (01) ứng cử viên;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
 - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
 - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
 - e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
 - f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;
 - g) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;
 - h) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên;
 - i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng cử viên.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội

đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị

- a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.
- b) Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
- c) Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - ii) Trình độ chuyên môn;
 - iii) Quá trình công tác;
 - iv) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - v) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - vi) Các thông tin khác (nếu có);
 - vii) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - i) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - iii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
- b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - i) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - ii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

- c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.
 - d) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - e) Trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 5 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
6. Thông báo về thay đổi, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty phải công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán khi thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; nhận được đơn xin từ chức của Hội đồng quản trị.

Điều 22. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 23. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
- 6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 24. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm
Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - i) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - ii) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - iii) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Đề nghị quy định tại điểm a khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - c) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm a khoản này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.z
3. Thông báo họp Hội đồng quản trị
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
 - b) Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
 - c) Trong trường hợp khẩn cấp, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức ngay khi được tất cả (100%) các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận và dự họp.
4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
 - b) Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự họp các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.
5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị
Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
6. Cách thức biểu quyết
Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện

liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị
 - a) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - b) Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 25. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ghi biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
6. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - a) Căn cứ vào các nội dung, nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
 - b) Các nghị quyết Hội đồng quản trị sẽ được gửi đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc cùng các thành viên khác có liên quan của Công ty chậm nhất 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày các thành viên Hội đồng quản trị dự họp ký đầy đủ vào Văn bản.
 - c) Các nội dung nghị quyết Hội đồng quản trị thuộc phạm vi phải công bố thông tin sẽ được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.
2. Số lượng thành viên của Tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hoạt động của Tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Tiểu ban.
4. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 27. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty
Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty
Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty
Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty
Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật về chứng khoán.
5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và

- các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Quyền và Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và

người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm sau đây:
 - a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
 - b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
 - c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - d) Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
 - e) Trường hợp vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
 - f) Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 30. Thành phần Ban kiểm soát

5. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Điều lệ Công ty.
6. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 31. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát
Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử một (01) ứng cử viên;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
 - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
 - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
 - e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
 - f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;
 - g) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;

- h) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên;
 - i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên của tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử chín (09) ứng cử viên.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
3. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát
- a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.
 - b) Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát.
 - c) Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:
 - i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - ii) Trình độ chuyên môn;
 - iii) Quá trình công tác;
 - iv) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban kiểm soát của công ty khác);
 - v) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - vi) Các thông tin khác (nếu có);
 - vii) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
4. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát
- Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
5. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

6. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Quy chế này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
7. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d) Các trường hợp khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
8. Thông báo về thay đổi, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát
 Công ty phải công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán khi thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát; nhận được đơn xin từ chức của Ban kiểm soát.

Điều 32. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát trở lên dự họp.
2. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
3. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 33. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 34. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc;

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
- j) Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- k) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
- m) Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

1. **Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc**
 Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
2. **Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc**
 Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. **Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc**
 Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc Công ty; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.
4. **Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc**

Hội đồng quản trị Công ty có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc
Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc được theo theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.
6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây:
 - a) Tổng giám đốc được trả lương, thưởng và các lợi ích khác.
 - b) Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
 - c) Tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 36. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

1. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ, thường xuyên để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.
2. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong mối quan hệ phối hợp với Ban kiểm soát
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Ban Kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
 - b) Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời gian gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Tất cả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản có tính chất quản trị chung do Hội đồng quản trị ban hành đều được gửi đến Ban Kiểm soát trong thời hạn quy định theo Quy chế này và Điều lệ Công ty;
 - d) Khi Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị phải phản hồi ý kiến theo quy định nội bộ;
 - e) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Ban kiểm soát phải được gửi trong thời hạn quy định và Ban kiểm soát có trách nhiệm phản hồi theo đúng thời gian quy định.
3. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong mối quan hệ phối hợp với Hội đồng quản trị
 - a) Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
 - b) Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, thành viên Ban Kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản trị, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty bất kỳ lúc nào. Quy trình và thời hạn cung cấp theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.
 - c) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc, kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm;
 - d) Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên

Đại hội đồng cổ đông;

- e) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
- f) Đối với kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi bằng văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;
- g) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất 7 ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 37. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

- 1. Hội đồng quản trị trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình xác định các chủ trương, chính sách, định hướng và quy chế quản trị làm cơ sở để Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động kinh doanh; đồng thời phê duyệt các kế hoạch, phương án hoạt động kinh doanh, các báo cáo, đề xuất do Tổng Giám đốc đệ trình thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Hội đồng quản trị.
- 2. Hội đồng quản trị quy định chế độ thông tin/báo cáo làm cơ sở để nắm tình hình hoạt động của Công ty và ra quyết định; Tổng Giám đốc có trách nhiệm duy trì chế độ thông tin, báo cáo đến Hội đồng quản trị kịp thời, đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện thuận lợi để Hội đồng quản trị nắm tình hình hoạt động của Công ty.
- 3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm điều hành các công việc theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết, ủy quyền/phân công/chỉ đạo của Hội đồng quản trị /Chủ tịch Hội đồng quản trị, phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 4. Trường hợp Tổng Giám đốc không thống nhất với Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có quyền trao đổi, bảo lưu ý kiến nhưng vẫn phải chấp hành/thực hiện ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị.
- 5. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- 6. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.

Điều 38. Phối hợp giữa Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc

- 1. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (hoặc cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm;
- 2. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty. Tùy mức độ và kết quả, Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- 3. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

4. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính của Công ty hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
5. Đối với thông tin, tài liệu quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất 48 giờ. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Việc đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác được thực hiện theo các quy định về khen thưởng, kỷ luật do Công ty ban hành từng thời kỳ.

CHƯƠNG VII. HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần xây dựng số 1 bao gồm bao gồm 7 Chương và 40 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 04 năm 2024.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

NGUYỄN KHẮC HẢI

Số: /2024/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty năm 2024 của Công ty cổ phần xây dựng số 1

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành tùy từng thời điểm (“Luật Doanh nghiệp năm 2020”);
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 (Sau đây gọi là Luật sửa đổi số 03/2022/QH15);
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty năm 2021 của Công ty cổ phần xây dựng số 1.

V. Cơ sở pháp lý và nội dung sửa đổi bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty năm 2021 của Công ty

Ngày 11/01/2022, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp bất thường thứ nhất đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt là Luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15, trong đó **sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 158 về Biên bản họp Hội đồng quản trị.**

Để ghi nhận những sửa đổi, bổ sung trên của Luật sửa đổi số 03/2022/QH15, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty năm 2021 của Công ty cần được sửa đổi những nội dung sau:

Sửa đổi khoản 2 Điều 16 của Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty về Biên bản họp Hội đồng quản trị như sau:

*“2. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị **tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký** và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. **Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ghi biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.**”*

VI. Trình ĐHCĐ thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty năm 2024 và giao Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty năm 2024 của Công ty

Căn cứ vào yêu cầu sửa đổi bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty năm 2021 của Công ty nêu trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua các nội dung sau:

5. Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty năm 2024 của Công ty cổ phần xây dựng số 1 (chi tiết theo Phụ lục đính kèm);
6. Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty năm 2024 của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, TK.

Nguyễn Khắc Hải

MỤC LỤC

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG	30
ĐIỀU 1. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG	30
ĐIỀU 2. NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	30
CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	31
ĐIỀU 3. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	31
ĐIỀU 4. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	31
ĐIỀU 5. NHIỆM KỲ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	31
ĐIỀU 6. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	31
ĐIỀU 7. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	32
ĐIỀU 8. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM, THAY THẾ VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	33
ĐIỀU 9. CÁCH THỨC BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	33
ĐIỀU 10. THÔNG BÁO VỀ BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	34
CHƯƠNG III - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	35
ĐIỀU 11. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	35
ĐIỀU 12. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG VIỆC PHÊ DUYỆT, KÝ KẾT HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH	36
ĐIỀU 13. TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG VIỆC TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG	36
ĐIỀU 14. CÁC TIỂU BAN GIÚP VIỆC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	37
CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	37
ĐIỀU 15. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	37
ĐIỀU 16. BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	39
CHƯƠNG V - BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	39
ĐIỀU 17. TRÌNH BÁO CÁO HÀNG NĂM	39
ĐIỀU 18. THÙ LAO, THƯỜNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	40
ĐIỀU 19. CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN	40
CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	41
ĐIỀU 20. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	41
ĐIỀU 21. MỐI QUAN HỆ VỚI BAN ĐIỀU HÀNH	41
ĐIỀU 22. MỐI QUAN HỆ VỚI BAN KIỂM SOÁT HOẶC ỦY BAN KIỂM TOÁN	41
CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	41
ĐIỀU 23. HIỆU LỰC THI HÀNH	41

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2021

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xây dựng số 1;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 03 tháng 04 năm 2024;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng số 1.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng số 1 bao gồm các nội dung sau:

Chương I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (trong trường hợp được Hội đồng quản trị ủy quyền thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị)

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác (nếu có);
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty do Điều lệ Công ty quy định.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.
4. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;
 - d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác được quy định tại Điều lệ Công ty (nếu có).
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - f) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty (nếu có).
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty (nếu có).
- 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất

tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức hoặc làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty (nếu có).

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty (nếu có).
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty (nếu có).
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
 3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí được nêu trong Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗi phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - q. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị Công ty do luật pháp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty thực hiện một hoặc một số quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị. Việc ủy quyền được thông qua bằng Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và

trước pháp luật về việc thực hiện các nội dung được Hội đồng quản trị ủy quyền. Các thành viên Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết ủy quyền chịu trách nhiệm liên đới về việc thực hiện nội dung ủy quyền của người được ủy quyền.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
5. Trường hợp một phần hoặc toàn bộ nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty, gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua một phần hoặc toàn bộ nghị quyết, quyết định trái luật đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua một phần hoặc toàn bộ nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ nghị quyết, quyết định trái luật nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo

quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
 - h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các Tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của Tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định và có tối thiểu là 03 người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của Tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chương IV - CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty (nếu có).
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những

thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Trong trường hợp khẩn cấp, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức ngay khi được tất cả (100%) các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận và tham dự họp

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.
- c) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

12. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ghi biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V - BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;

- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.
 3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

- Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI - MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

- Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
- Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

- Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng số 1 bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 04 năm 2024
- Trong quá trình thực hiện, Hội đồng quản trị có quyền đề xuất Đại hội đồng cổ đông xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

NGUYỄN KHẮC HẢI

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Số:...../2024/TTr-HĐQT

TỜ TRÌNH

V/V: Bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần xây dựng số 1 đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 23/03/2021;
- Căn cứ Quy chế Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần xây dựng số 1 đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 23/03/2021.

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty cổ phần xây dựng số 1 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 bầu ra với nhiệm kỳ 2019 – 2024 (05 năm), bao gồm các ông bà:

1. Thành viên Hội đồng quản trị:

- Ông Nguyễn Khắc Hải – Chủ tịch HĐQT
- Ông Hoàng Văn Trình – Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Minh Thắng – Thành viên HĐQT
- Ông Lại Đức Toàn – Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Thành Nhơn – Thành viên độc lập HĐQT

2. Thành viên Ban kiểm soát:

- Ông Vũ Văn Mạnh – Trưởng BKS
- Ông Chu Quang Minh – Thành viên BKS
- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang – Thành viên BKS

Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành, HĐQT và BKS đã đến nhiệm kỳ. Vì vậy, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xây dựng số 1 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2024 – 2029, gồm 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
2. Bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2029, gồm 03 thành viên.

3.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Khắc Hải



VINACONEX 1
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1
Vươn tới những tầm cao

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2024

QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2024 - 2029
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1

=====

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần xây dựng số 1 đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 23/03/2021;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần xây dựng số 1 đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 23/03/2021;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần xây dựng số 1 tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029 theo quy định như sau:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) lập tại Ngày đăng ký cuối cùng 01/03/2024) trực tiếp tham dự ĐHĐCĐ.

Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

2.1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT (theo khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 1 Điều 20 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty):

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên độc lập HĐQT (theo khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 2 Điều 20 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty):

- a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

- e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát (BKS) (theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 30 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty):

- a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
- b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- d. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- e. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn tại Công ty.
- f. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- g. Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 4. Đề cử ứng cử viên HĐQT (Khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 25 Điều lệ Công ty và Điều 20 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty)

- a. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:
- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử một (01) ứng cử viên;
- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
- e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
- f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
- g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;
- h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;
- i. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên;
- j. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng cử viên hoặc toàn bộ số ứng cử viên nếu cơ cấu Hội đồng quản trị có nhiều hơn 9 thành viên.
- k. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đề cử ứng cử viên BKS (Khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 36 Điều lệ Công ty và Điều 31 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty)

- a. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát, cụ thể như sau:
- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử một (01) ứng cử viên;
- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
- e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
- f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
- g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;
- h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;
- i. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên;
- j. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên của tổng số cổ phần phổ thông Công ty được đề cử chín (09) ứng cử viên.
- k. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Số lượng thành viên HĐQT, BKS được bầu

Căn cứ theo Điều 26 Điều lệ Công ty và Điều 19 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty, cơ cấu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024 - 2029 là 05 thành viên (trong đó có 01 Thành viên độc lập HĐQT).

Căn cứ theo Điều 37 Điều lệ Công ty và Điều 30 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty, cơ cấu thành viên BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029 là 03 thành viên.

Điều 7. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

7.1. Danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS:

Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

7.2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát Phiếu bầu HĐQT, BKS;
- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số phiếu biểu quyết bầu HĐQT, BKS kèm theo mã số tham dự của cổ đông;
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban Bầu cử đổi phiếu bầu khác;
- Cổ đông tiến hành bầu tối đa cho số lượng thành viên HĐQT, BKS được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

Điều 8. Phương thức bầu cử

- 8.1. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện bằng bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;

- 8.2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- 8.3. Cổ đông chọn một trong hai phương pháp sau đây để bầu thành viên HĐQT, BKS:
- Bầu cử bằng phương pháp đánh dấu: cổ đông chỉ cần tích dấu (x) vào ô trống của các ứng cử viên mà mình bầu (ngoài ra, cổ đông có thể gạch ngang tên của những ứng viên mà mình không bầu). Số phiếu biểu quyết bầu của từng ứng cử viên được chọn là kết quả chia đều của Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông chia cho số ứng cử viên được lựa chọn.
 - Bầu cử bằng phương pháp ghi số phiếu biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên mà mình lựa chọn: cổ đông ghi trực tiếp số phiếu biểu quyết vào ô trống của từng ứng cử viên mà mình lựa chọn. Số phiếu biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông/đại diện cổ đông đối với mỗi ứng cử viên. Tổng cộng số phiếu biểu quyết mà cổ đông bầu cho tất cả các ứng cử viên được bầu không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông đó.

Ghi chú:

- ❖ Cổ đông lựa chọn một trong hai phương pháp để thực hiện bầu HĐQT, BKS. Nếu cổ đông/đại diện cổ đông thực hiện đồng thời cả hai phương pháp bầu nêu trên và có số phiếu bầu cho bất kỳ một ứng viên nào khác nhau giữa hai phương pháp bầu thì phiếu bầu của cổ đông/đại diện cổ đông là **không hợp lệ**.
- ❖ Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (*có giấy uỷ quyền*), người được ủy quyền (đại diện cổ đông) có đầy đủ quyền biểu quyết/bầu cử.

Điều 9. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

- 9.1. Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty.
- 9.2. Phiếu tẩy xóa hoặc ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử viên đã được Đại hội thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.
- 9.3. Phiếu có Tổng cộng số phiếu biểu quyết bầu mà cổ đông/đại diện cổ đông bầu cho tất cả các ứng cử viên được bầu vượt quá tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông đó.
- 9.4. Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.
- 9.5. Phiếu bầu quá số lượng thành viên HĐQT, BKS đã được Đại hội thông qua.
- 9.6. Cổ đông/đại diện cổ đông sử dụng cả hai phương pháp bầu và có số phiếu bầu cho bất kỳ một ứng viên nào khác nhau giữa hai phương pháp bầu.
- 9.7. Phiếu bầu không ghi các thông tin về cổ đông.

Điều 10. Ban Bầu cử, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

10.1. Ban Bầu cử

- a. Ban Bầu cử do Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Ban Bầu cử có trách nhiệm:
 - Hướng dẫn cổ đông quy trình bầu cử, cách thức bỏ phiếu;
 - Phát phiếu bầu cử;
 - Tiến hành kiểm phiếu;
 - Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.
- c. Thành viên Ban Bầu cử không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT, BKS.

10.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- a. Ban Bầu cử tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

- d. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban Bầu cử công bố trước Đại hội.

Điều 11. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, BKS

- 11.1. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu biểu quyết bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu biểu quyết bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được bầu tại Đại hội.
- 11.2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu biểu quyết bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu biểu quyết bầu ngang nhau.

Điều 12. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- 12.1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Bầu cử phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham gia bỏ phiếu (theo phương thức bầu dồn phiếu), số phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ; Tổng số phiếu biểu quyết bầu nhận được của từng ứng viên HĐQT, BKS;
- 12.2. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.
- 12.3. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Quy chế này gồm có 12 Điều, được đọc công khai và có hiệu lực ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI

PHỤ LỤC 1 HƯỚNG DẪN

BẦU ĐÒN PHIẾU ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Giả sử Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua số lượng thành viên HĐQT được bầu tại Đại hội là 5 người.

Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 1.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu biểu quyết bầu thành viên HĐQT của cổ đông Nguyễn Văn A là:

$$(1.000.000 \times 5) = 5.000.000 \text{ phiếu biểu quyết bầu HĐQT.}$$

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu đôn phiếu cho các ứng cử viên HĐQT theo một trong hai phương pháp sau:

1. **Phương pháp thứ nhất - Bầu cử bằng phương pháp đánh dấu:** Cổ đông Nguyễn Văn A chỉ cần tích dấu (x) vào ô trống tương ứng cho các ứng cử viên HĐQT mà mình bầu, tối đa là 5 ứng viên (ngoài ra, cổ đông có thể gạch ngang tên của những ứng viên mà mình không bầu). Số phiếu biểu quyết bầu của từng ứng cử viên được cổ đông Nguyễn Văn A đã lựa chọn bầu bằng việc tích dấu (x) là kết quả chia đều của Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn A (5.000.000) chia cho số ứng cử viên đã được cổ đông Nguyễn Văn A lựa chọn bầu.
2. **Phương pháp thứ hai - Bầu cử bằng phương pháp ghi số phiếu biểu quyết cho từng ứng cử viên mà mình bầu:** Cổ đông Nguyễn Văn A ghi trực tiếp số phiếu biểu quyết cụ thể vào ô trống tương ứng của từng ứng cử viên HĐQT mà mình lựa chọn bầu, tối đa là 5 ứng viên. Số phiếu biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên HĐQT có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông Nguyễn Văn A đối với mỗi ứng cử viên. Tổng cộng số phiếu biểu quyết mà cổ đông Nguyễn Văn A bầu cho tất cả các ứng cử viên HĐQT không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết của mình (5.000.000).

Phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A sẽ không hợp lệ trong các trường hợp sau:

- a. Phiếu bầu không theo mẫu do Công ty quy định, không có dấu treo của Công ty trên Phiếu bầu.
- b. Tổng số phiếu biểu quyết cho tất cả ứng cử viên được bầu của cổ đông Nguyễn Văn A vượt quá con số 5.000.000 phiếu biểu quyết.
- c. Số ứng viên HĐQT cổ đông Nguyễn Văn A bầu vượt quá 5 người.
- d. Phiếu bầu tẩy xóa hoặc ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử HĐQT đã được ĐHCĐ thông qua.
- e. Phiếu bầu cử không có chữ ký của cổ đông Nguyễn Văn A.
- f. Cổ đông Nguyễn Văn A thực hiện đồng thời cả hai phương pháp bầu và có số phiếu bầu cho bất kỳ một ứng viên nào khác nhau giữa hai phương pháp bầu.
- g. Các trường hợp khác quy định tại Quy chế bầu cử đã được Đại hội cổ đông thông qua.

PHỤ LỤC 2 HƯỚNG DẪN

BẦU ĐÒN PHIẾU ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Giả sử Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua số lượng thành viên BKS được bầu tại Đại hội là 3 người.

Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 1.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu biểu quyết bầu thành viên BKS của cổ đông Nguyễn Văn A là:

$$(1.000.000 \times 3) = 3.000.000 \text{ phiếu biểu quyết bầu BKS.}$$

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu đôn phiếu cho các ứng cử viên BKS theo một trong hai phương pháp sau:

1. **Phương pháp thứ nhất - Bầu cử bằng phương pháp đánh dấu:** Cổ đông Nguyễn Văn A chỉ cần tích dấu (x) vào ô trống tương ứng cho các ứng cử viên BKS mà mình bầu, tối đa là 3 ứng viên (ngoài ra, cổ đông có thể gạch ngang tên của những ứng viên mà mình không bầu). Số phiếu biểu quyết bầu của từng ứng cử viên được cổ đông Nguyễn Văn A đã lựa chọn bầu bằng việc tích dấu (x) là kết quả chia đều của Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn A (3.000.000) chia cho số ứng cử viên đã được cổ đông Nguyễn Văn A lựa chọn bầu.
2. **Phương pháp thứ hai - Bầu cử bằng phương pháp ghi số phiếu biểu quyết cho từng ứng cử viên mà mình bầu:** Cổ đông Nguyễn Văn A ghi trực tiếp số phiếu biểu quyết cụ thể vào ô trống tương ứng của từng ứng cử viên BKS mà mình lựa chọn bầu, tối đa là 3 ứng viên. Số phiếu biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên BKS có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông Nguyễn Văn A đối với mỗi ứng cử viên. Tổng cộng số phiếu biểu quyết mà cổ đông Nguyễn Văn A bầu cho tất cả các ứng cử viên BKS không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết của mình (3.000.000).

Phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A sẽ không hợp lệ trong các trường hợp sau:

- a. Phiếu bầu không theo mẫu do Công ty quy định, không có dấu treo của Công ty trên Phiếu bầu.
- b. Tổng số phiếu biểu quyết cho tất cả ứng cử viên được bầu của cổ đông Nguyễn Văn A vượt quá con số 3.000.000 phiếu biểu quyết.
- c. Số ứng viên BKS cổ đông Nguyễn Văn A bầu vượt quá 3 người.
- d. Phiếu bầu tẩy xóa hoặc ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử BKS đã được ĐHCĐ thông qua.
- e. Phiếu bầu cử không có chữ ký của cổ đông Nguyễn Văn A.
- f. Cổ đông Nguyễn Văn A thực hiện đồng thời cả hai phương pháp bầu và có số phiếu bầu cho bất kỳ một ứng viên nào khác nhau giữa hai phương pháp bầu.
- g. Các trường hợp khác quy định tại Quy chế bầu cử đã được Đại hội cổ đông thông qua.



Hà Nội, ngày ... tháng năm 2024

HƯỚNG DẪN ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ
ỨNG VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT ĐỀ ĐHĐCĐ BẦU VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2024 - 2029

Kính gửi: Các cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024

Theo Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029 thay thế cho Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ.

Căn cứ vào quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần xây dựng số 1, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử/đề cử ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần xây dựng số 1 nhiệm kỳ 2024 – 2029.

Để cổ đông có thể thực hiện tốt quyền ứng cử, đề cử của mình, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng số 1 xin trân trọng gửi tới các cổ đông Hướng dẫn ứng cử, đề cử ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty cổ phần xây dựng số 1 nhiệm kỳ 2024 - 2029 với các nội dung sau:

- 1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT (theo khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 1 Điều 20 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty):**
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.
- 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên độc lập HĐQT (theo khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 2 Điều 20 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty):**
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
- 3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS (theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 30 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty):**
 - h. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
 - i. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

- j. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- k. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- l. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn tại Công ty.
- m. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- n. Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

4. Đề cử ứng cử viên HĐQT (Khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 25 Điều lệ Công ty và Điều 20 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty)

- a. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử một (01) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng cử viên hoặc toàn bộ số ứng cử viên nếu cơ cấu Hội đồng quản trị có nhiều hơn 9 thành viên.
- b. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

5. Đề cử ứng cử viên BKS (Khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 36 Điều lệ Công ty và Điều 31 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty)

- l. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát, cụ thể như sau:
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử một (01) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần phổ thông Công ty được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên của tổng số cổ phần phổ thông Công ty được đề cử chín (09) ứng cử viên.
- m. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

6. Tài liệu ứng cử, đề cử:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tỷ lệ như quy định tại Mục 3 nêu trên khi ứng cử, đề cử ứng viên Hội đồng quản trị Công ty cần gửi về Công ty bằng hình thức gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện các tài liệu sau:

- Bản gốc Giấy ứng cử/đề cử ứng viên Hội đồng quản trị;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên Hội đồng quản trị theo mẫu.

Trường hợp là nhóm cổ đông đề cử thì văn bản đề cử phải có chữ ký của tất cả các cổ đông tham gia nhóm cổ đông đề cử, hoặc có văn bản ủy quyền (có công chứng/chứng thực) của nhóm cổ đông cho một cổ đông đại diện nhóm thực hiện quyền đề cử.

Ghi chú:

- ❖ Để thuận tiện trong công tác tổ chức và chuẩn bị tài liệu bầu cử, Công ty trân trọng đề nghị các cổ đông/nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện ứng cử/đề cử fax Tài liệu ứng cử, đề cử quy định tại Mục 4 nêu trên về Công ty cổ phần xây dựng số 1 trước 17h ngày 22/03/2023. Bản gốc Tài liệu ứng cử, đề cử (trong trường hợp chưa gửi về Công ty bằng hình thức gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) cổ đông/nhóm cổ đông gửi trực tiếp cho Ban Tổ chức khi làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội vào ngày 23/03/2023.
- + **Địa chỉ liên hệ:** Công ty cổ phần xây dựng số 1
Toà C1 – Khu văn phòng và nhà ở cao cấp Vinaconex 1 – 289A Khuất Duy Tiến – Trung Hoà – Cầu Giấy – Hà Nội.
- + **Người liên lạc:** Ms. Nguyễn Thị Phương Linh – Thư ký công ty
- + Điện thoại: 024.38544057; Fax: 024.38541679
- + Email: vinaconex1.vc1@gmail.com
- ❖ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nộp bản gốc Tài liệu ứng cử, đề cử quy định tại Mục 4 nêu trên cho Công ty trước khi thông qua danh sách ứng cử/đề cử tại Đại hội, việc ứng cử/đề cử của cổ đông/nhóm cổ đông không đúng quy định của Luật doanh nghiệp 2020, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty, thì việc ứng cử/đề cử của cổ đông/nhóm cổ đông sẽ không có giá trị tại Đại hội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2024

GIẤY ĐỀ CỬ

**Ứng viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần xây dựng số 1
(Nhiệm kỳ 2024 - 2029)**

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần xây dựng số 1 (Vinaconex 1)

Tôi/Chúng tôi là các cổ đông, bao gồm:

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần sở hữu	Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)
1						
2						
3						

Tôi/Chúng tôi đồng ý gộp toàn bộ số cổ phần của tôi/chúng tôi được liệt kê ở trên để đề cử:

Ông/Bà:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:

Cấp ngày: tại

Địa chỉ thường trú:

làm Ứng viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần xây dựng số 1 (Nhiệm kỳ 2024 - 2029) tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần xây dựng số 1 ngày 03/04/2024.

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc đề cử này.

Tài liệu kèm theo:

Sơ yếu lý lịch của Ứng viên HĐQT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2024

GIẤY ĐỀ CỬ

**Ứng viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần xây dựng số 1
(Nhiệm kỳ 2024 - 2029)**

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần xây dựng số 1 (Vinaconex 1)

Tôi/Chúng tôi là các cổ đông, bao gồm:

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần sở hữu	Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)
1						
2						
3						

Tôi/Chúng tôi đồng ý gộp toàn bộ số cổ phần của tôi/chúng tôi được liệt kê ở trên để đề cử:

Ông/Bà:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:

Cấp ngày: tại

Địa chỉ thường trú:

làm Ứng viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần xây dựng số 1 (Nhiệm kỳ 2024 - 2029) tại cuộc họp
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần xây dựng số 1 ngày 03/04/2024.

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của
việc đề cử này.

Tài liệu kèm theo:

Sơ yếu lý lịch của Ứng viên BKS.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ảnh 4x6
(đóng dấu giáp lai)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

*(Dùng cho người tự ứng cử/được đề cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm
soát*

Công ty cổ phần xây dựng số 1, nhiệm kỳ 2024 - 2029)

1. Họ và tên:
2. Giới tính:
3. Số CMTND/Hộ chiếu: Nơi cấp..... ngày cấp.....
4. Ngày tháng năm sinh:
5. Nơi sinh:
6. Quốc tịch:
7. Dân tộc:
8. Nguyên quán:
9. Hộ khẩu thường trú:
10. Nơi ở hiện nay:
11. Số điện thoại liên lạc:
12. Trình độ văn hoá:
13. Trình độ chuyên môn:
14. Trình độ ngoại ngữ:
15. Quá trình công tác (nêu tóm tắt thời gian công tác, đơn vị công tác, chức vụ nghề nghiệp)
+ Từ..... đến.....
+ Từ..... đến.....
16. Chức vụ hiện nay:.....
.....
17. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác (nếu có):
.....
.....
18. Số cổ phần đang sở hữu hoặc ủy quyền đại diện tại Công ty cổ phần VINACONEX1:CP,
trong đó:
- Số cổ phần được ủy quyền đại diện: cổ phần
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: cổ phần
19. Hành vi vi phạm pháp luật.....
20. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty cổ phần xây dựng số 1:.....

Tôi cam kết sẽ không vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xây dựng số 1 và xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(Xác nhận chính quyền địa phương hoặc
cơ quan nơi cá nhân đang làm việc)

....., ngày ... tháng ... năm 2024
Người khai
(Ký, ghi rõ họ và tên)



VINACONEX 1
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1
Vươn tới những tầm cao

PHIẾU BẦU CỬ

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng số 1

Nhiệm kỳ 2024 - 2029

Cổ đông: _
Số cổ phần: _

Quyền biểu quyết của cổ đông: _ phiếu

Biểu quyết bầu HĐQT của cổ đông:

Tổng số phiếu biểu quyết bầu HĐQT = Tổng số cổ phần sở hữu/được ủy quyền của Cổ đông x 5 (số lượng thành viên HĐQT được bầu)

STT	Danh sách ứng cử viên	Mã số	Bầu cử bằng phương pháp đánh dấu	Bầu cử bằng phương pháp ghi số phiếu biểu quyết bầu
			- Cổ đông đồng ý thì đánh dấu X vào ô <input type="checkbox"/> - Cổ đông không đồng ý thì KHÔNG đánh dấu vào <input type="checkbox"/>	Cổ đông ghi rõ số phiếu biểu quyết bầu cho ứng viên
1			<input type="checkbox"/>	
2			<input type="checkbox"/>	
3			<input type="checkbox"/>	
4			<input type="checkbox"/>	
5			<input type="checkbox"/>	
6			<input type="checkbox"/>	

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2024

Cổ đông /Đại diện cổ đông

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Đề nghị cổ đông/Đại diện cổ đông xem **Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6** của Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, nhiệm kỳ 2024 - 2029 của Công ty CP xây dựng số 1 để bầu cử theo đúng quy định)



VINACONEX 1
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1
Vươn tới những tầm cao

PHIẾU BẦU CỬ

Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần xây dựng số 1

Nhiệm kỳ 2024 - 2029

Cổ đông: _
Số cổ phần: _

Quyền biểu quyết của cổ đông: _ phiếu

Biểu quyết bầu BKS của cổ đông:

Tổng số phiếu biểu quyết bầu BKS = Tổng số cổ phần sở hữu/được ủy quyền của Cổ đông x 3 (số lượng thành viên BKS được bầu)

STT	Danh sách ứng cử viên	Mã số	Bầu cử bằng phương pháp đánh dấu	Bầu cử bằng phương pháp ghi số phiếu biểu quyết bầu
			- Cổ đông đồng ý thì đánh dấu X vào ô <input type="checkbox"/> - Cổ đông không đồng ý thì KHÔNG đánh dấu vào <input type="checkbox"/>	Cổ đông ghi rõ số phiếu biểu quyết bầu cho ứng viên
1			<input type="checkbox"/>	
2			<input type="checkbox"/>	
3			<input type="checkbox"/>	
4			<input type="checkbox"/>	

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2024

Cổ đông /Đại diện cổ đông

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Đề nghị cổ đông/Đại diện cổ đông xem Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 của Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, nhiệm kỳ 2024 - 2029 của Công ty CP xây dựng số 1 để bầu cử theo đúng quy định)



Cổ đông: _
Số cổ phần: _

Quyền biểu quyết của cổ đông: _ phiếu

PHIẾU BIỂU QUYẾT SỐ 1

CÁC VẤN ĐỀ TẠI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

TT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Thông qua Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024			

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2024
Cổ đông /Đại diện cổ đông
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Đề nghị cổ đông/đại diện cổ đông xem **Mục III - Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội** của Quy chế làm việc ĐHCĐ thường niên năm 2024 của Công ty CP xây dựng số 1 để biểu quyết theo đúng quy định)



Cổ đông: _
Số cổ phần: _

Quyền biểu quyết của cổ đông: _ phiếu

PHIẾU BIỂU QUYẾT SỐ 2

CÁC VẤN ĐỀ TẠI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

TT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Thông qua Danh sách Đoàn Chủ tịch			
2	Thông qua Danh sách Ban Thư ký			
3	Thông qua Danh sách Ban kiểm phiếu biểu quyết			

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2024
Cổ đông /Đại diện cổ đông
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Đề nghị cổ đông/đại diện cổ đông xem **Mục III - Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội** của Quy chế làm việc ĐHCĐ thường niên năm 2024 của Công ty CP xây dựng số 1 để biểu quyết theo đúng quy định)



Cổ đông: _
Số cổ phần: _

Quyền biểu quyết của cổ đông: _ phiếu

PHIẾU BIỂU QUYẾT SỐ 3

CÁC VẤN ĐỀ TẠI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

TT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Thông qua Chương trình Đại hội			
2	Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội			

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2024
Cổ đông /Đại diện cổ đông
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Đề nghị cổ đông/đại diện cổ đông xem **Mục III - Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội** của Quy chế làm việc ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty CP xây dựng số 1 để biểu quyết theo đúng quy định)



Cổ đông: _
Số cổ phần: _

Quyền biểu quyết của cổ đông: _ phiếu

PHIẾU BIỂU QUYẾT SỐ 4

CÁC VẤN ĐỀ TẠI

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

TT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 theo Báo cáo số/2024/BC-TGD ngày 20/03/2024 của Ban Tổng giám đốc.			
2	Thông qua kết quả hoạt động năm 2022 của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị, phương hướng nhiệm vụ năm 2024 theo Báo cáo số/2024/BC-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị.			
3	Phê duyệt các Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán theo Tờ trình số/2024/BC-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị.			
4	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Tờ trình số/2024/BC-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị.			
5	Thông qua phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch chi trả năm 2024 theo Tờ trình số/2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị.			
6	Thông qua Báo cáo số/2024/BC-BKS ngày 20/03/2024 của Ban Kiểm soát.			
7	Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty theo Tờ trình số/2024/TTr-BKS ngày 20/03/2024 của Ban Kiểm soát.			
8	Thông qua chủ trương giao dịch với Tổng công ty CP VINACONEX và/hoặc công ty thành viên trong cùng tập đoàn/nhóm Vinaconex theo Tờ trình số/2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị.			
9	Thông qua Điều lệ Công ty năm 2024 theo Tờ trình số/2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị.			
10	Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2024 theo Tờ trình số/2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị.			

TT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
11	Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty năm 2024 theo Tờ trình số/2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị.			

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2024

Cổ đông /Đại diện cổ đông

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Đề nghị cổ đông/đại diện cổ đông xem **Mục III - Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội** của Quy chế làm việc ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty CP xây dựng số 1 để biểu quyết theo đúng quy định)



Cổ đông: _

Số cổ phần: _

Quyền biểu quyết của cổ đông: _ phiếu

PHIẾU BIỂU QUYẾT SỐ 5

CÁC VẤN ĐỀ TẠI

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

TT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Tờ trình số .../2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị về việc bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029.			
2	Thông qua Danh sách Ban bầu cử			
3	Thông qua Quy chế bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029			

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2024

Cổ đông /Đại diện cổ đông

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Đề nghị cổ đông/đại diện cổ đông xem **Mục III - Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội** của Quy chế làm việc ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty CP xây dựng số 1 để biểu quyết theo đúng quy định)



**Cổ đông: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT
NAM**

Số cổ phần: 6.616.216

**Quyền biểu quyết của cổ đông: 6.616.216
phiếu**

PHIẾU BIỂU QUYẾT SỐ 6

CÁC VẤN ĐỀ TẠI

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

TT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Thông qua Danh sách ứng viên Thành viên Hội đồng quản trị Công ty, nhiệm kỳ 2024 - 2029			
2	Thông qua Danh sách ứng viên Thành viên Ban kiểm soát Công ty, nhiệm kỳ 2024 - 2029			

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm
2024

Cổ đông / Đại diện cổ đông
(ký và ghi rõ họ tên)

*(Đề nghị cổ đông/đại diện cổ đông xem **Mục III - Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội** của Quy chế làm việc ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty CP xây dựng số 1 để biểu quyết theo đúng quy định)*



Cổ đông:

Số cổ phần:

Quyền biểu quyết của cổ đông: ... phiếu

PHIẾU BIỂU QUYẾT SỐ 7

CÁC VẤN ĐỀ TẠI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

TT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Thông qua Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024			
2	Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024			

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2024
Cổ đông /Đại diện cổ đông
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Đề nghị cổ đông/đại diện cổ đông xem **Mục III - Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội** của Quy chế làm việc ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty CP xây dựng số 1 để biểu quyết theo đúng quy định)

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2024

BIÊN BẢN HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1 (VINACONEX 1)

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1

Trụ sở chính: Toà nhà D9 – đường Khuất Duy Tiến – Thanh Xuân Bắc – Thanh Xuân – Hà Nội

Mã số doanh nghiệp: 0100105479

Giấy chứng nhận ĐKDN do Sở kế hoạch đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/10/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 13/06/2018.

Hôm nay, vào hồi **08h00** ngày 03 tháng 04 năm 2024, tại Hội trường tầng 3, Toà nhà C1 Chung cư Vinaconex 1, đường Khuất Duy Tiến, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần xây dựng số 1 (Vinaconex 1) được tiến hành với các nội dung sau:

A. PHẦN THỨ NHẤT – BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Tổng số cổ đông được triệu tập tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 là cổ đông, là tổ chức và cá nhân, đại diện cho phiếu biểu quyết, tương ứng 100% Tổng số phiếu biểu quyết của Công ty cổ phần xây dựng số 1 theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số **V103/2024-VC1/VSD-ĐK** do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) lập tại Ngày đăng ký cuối cùng ngày 01/03/2024.

Đại hội đã nghe **bà Lê Thu Hạnh**, Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông công bố kết quả kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông và đại diện cổ đông dự họp như sau:

Tổng số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) đến tham dự tại Đại hội là ... cổ đông, đại diện cho ... phiếu biểu quyết, tương đương với ...% Tổng số phiếu biểu quyết của Công ty CP xây dựng số 1.

(Ban kiểm tra tư cách cổ đông tiếp tục cập nhật số cổ đông tham dự đăng ký sau thời điểm khai mạc Đại hội).

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua nội dung Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông dự họp bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và cho ý kiến bằng **Phiếu biểu quyết số 1** với kết quả như sau:

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:

+ Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Theo đó, Đại hội đã thông qua nội dung Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty CP xây dựng số 1 đã đủ điều kiện để tiến hành. Các cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) dự họp có quyền biểu quyết theo số phiếu biểu quyết mà họ đại diện.

(Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông, Danh sách cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) thực tế dự họp và số phiếu biểu quyết mà họ đại diện được đính kèm Biên bản này).

B. PHẦN THỨ HAI – KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Ông Nguyễn Xuân Thọ - Phó Tổng giám đốc Công ty, thay mặt Ban Tổ chức Đại hội tiến hành các thủ tục:

- Chào cờ, cử Quốc ca;
- Tuyên bố lý do tổ chức Đại hội;
- Giới thiệu các cổ đông, các khách mời tham dự, gồm:
 - ✓
 - ✓
 - ✓

2. Ông Nguyễn Xuân Thọ giới thiệu danh sách Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu biểu quyết để Đại hội đồng cổ đông thông qua:

2.1. Đoàn Chủ tịch:

1. Ông Nguyễn Khắc Hải - Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tọa Đại hội
2. Ông Hoàng Văn Trình - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty
- Thành viên Đoàn Chủ tịch
3. - Thành viên Hội đồng quản trị
- Thành viên Đoàn Chủ tịch

2.2. Ban Thư ký:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Linh - Thư ký Công ty

2.3. Ban kiểm phiếu biểu quyết:

1. Ông Đỗ Văn Ngọc, TP Kinh tế thị trường, Trưởng Ban

2. Ông Hoàng Văn Nhâm, PTP Kinh tế thị trường, Thành viên
 3. Ông Nguyễn Anh Tùng, Phòng Kỹ thuật thi công, Thành viên
 4. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Phòng Kinh tế thị trường, Thành viên
 5. Ông Nguyễn Đức Hà, Phòng Kinh tế thị trường, Thành viên
3. Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu biểu quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và cho ý kiến bằng **Phiếu biểu quyết số 2** với kết quả như sau:

3.1 Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:

+ Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Theo đó, Đại hội đã thông qua danh sách Đoàn chủ tịch với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

3.2 Thông qua danh sách Ban Thư ký

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:

+ Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Theo đó, Đại hội đã thông qua danh sách Ban thư ký với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

3.3 Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu biểu quyết

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
- Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:
- + Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
- + Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
- + Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Theo đó, Đại hội đã thông qua danh sách Ban kiểm phiếu biểu quyết với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Ông Nguyễn Xuân Thọ thay mặt Ban Tổ chức Đại hội mời Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu lên làm việc.

5. Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội

Đại hội đã nghe **ông**, trình bày Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và cho ý kiến bằng **Phiếu biểu quyết số 3** với kết quả như sau:

5.1 Thông qua Chương trình Đại hội

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
- Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:
- + Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
- + Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
- + Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Theo đó, Đại hội đã thông qua Chương trình Đại hội với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

5.2 Thông qua nội dung Quy chế làm việc của Đại hội

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
- Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:
- + Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
- + Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Theo đó, Đại hội đã thông qua Quy chế làm việc của Đại hội với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

C. PHẦN THỨ BA – CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI

1. **Ông Hoàng Văn Trình** - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty đã trình bày trước Đại hội: Báo cáo số/2024/BC-TGD ngày 20/03/2024 của Ban Tổng giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch năm 2024 của Công ty.
2. **Ông Nguyễn Khắc Hải** - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đã trình bày trước Đại hội Báo cáo số/2024/BC-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị, phương hướng nhiệm vụ năm 2024.
3. **Ông Nguyễn Văn Hà** – Kế toán trưởng Công ty đã trình bày trước Đại hội:
 - Tờ trình/2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt các Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.
 - Tờ trình số/2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024.
 - Tờ trình số/2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị về việc thông qua phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 và Kế hoạch chi trả năm 2024.
4. **Ông Vũ Văn Mạnh** - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty, đã trình bày trước Đại hội:
 - Báo cáo số/2024/BC-BKS ngày 20/03/2024 của Ban Kiểm soát.
 - Tờ trình số/2024/TTr-BKS ngày 20/03/2024 của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.
5. **Ông Nguyễn Khắc Hải** - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đã trình bày trước Đại hội:
 - Tờ trình số/2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị về thông qua chủ trương giao dịch giữa Công ty với Tổng công ty CP VINACONEX và/hoặc công ty thành viên trong cùng tập đoàn /nhóm VINACONEX.
6. **Ông Hoàng Văn Trình** - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty đã trình bày trước Đại hội:
 - Tờ trình số/2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Điều lệ công ty năm 2024;
 - Tờ trình số/2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2024;
 - Tờ trình số/2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT năm 2024.

(Các Báo cáo, Tờ trình được trình bày tại Đại hội nằm trong Bộ tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã được Công ty gửi cho từng cổ đông tham dự Đại hội và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty).

D. PHẦN THỨ TƯ – THẢO LUẬN CỦA CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI

Kết thúc phần trình bày các Báo cáo và Tờ trình, **Ông Nguyễn Khắc Hải** - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, Chủ tọa Đại hội - thay mặt Đoàn chủ tịch điều hành chương trình thảo luận của các cổ đông.

E. PHẦN THỨ NĂM - BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

Ông **Nguyễn Khắc Hải** - Chủ tọa Đại hội lần lượt nêu các vấn đề để Đại hội biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và cho ý kiến bằng **Phiếu biểu quyết số 4** với kết quả đối với từng nội dung trình ĐHĐCĐ như sau:

1. Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch năm 2024 của Công ty CP xây dựng số 1 theo Báo cáo số/2024/BC-TGD ngày 20/03/2024 của Ban Tổng giám đốc.

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:

+ Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Theo đó, Đại hội đã thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch năm 2024 của Công ty CP với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

2. Thông qua kết quả hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị, phương hướng nhiệm vụ năm 2024 theo Báo cáo số/2024/BC-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị.

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:

+ Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Theo đó, Đại hội đã thông qua kết quả hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị, phương hướng nhiệm vụ năm 2024 với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

3. Thông qua các Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán theo Tờ trình số/2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị.

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
 - Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
 - Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
 - Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:
 - + Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - + Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - + Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Theo đó, Đại hội đã thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty CPvới tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Tờ trình số/2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị.

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
 - Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
 - Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
 - Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:
 - + Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - + Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - + Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Theo đó, Đại hội đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

5. Thông qua phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024 theo Tờ trình số/2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị.

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
- Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:
 - + Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - + Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - + Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Theo đó, Đại hội đã thông qua phương án chi trả tiền lương/thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024 với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

6. Thông qua Báo cáo số/2024/BC-BKS ngày 20/03/2024 của Ban Kiểm soát.

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:

+ Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Theo đó, Đại hội đã thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

7. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty theo Tờ trình số/2024/TTr-BKS ngày 20/03/2024 của Ban Kiểm soát.

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:

+ Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Theo đó, Đại hội đã thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện soát xét, kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

8. Thông qua chủ trương giao dịch giữa Công ty với Tổng Công ty CP VINACONEX và/hoặc công ty thành viên trong cùng tập đoàn/nhóm VINACONEX theo Tờ trình số/2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị.

Lưu ý: Cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong giao dịch không có quyền biểu quyết về nội dung này.

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) và có quyền biểu quyết về nội dung này là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
- Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:
 - + Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự, có quyền biểu quyết về nội dung này và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - + Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự, có quyền biểu quyết về nội dung này và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - + Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự, có quyền biểu quyết về nội dung này và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Theo đó, Đại hội đã thông qua chủ trương giao dịch giữa Công ty với Tổng công ty CP VINACONEX với các công ty con, công ty liên kết trong cùng tập đoàn kinh tế/nhóm VINACONEX theo Tờ trình số ngày với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự, có quyền biểu quyết về nội dung này và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

9. Thông qua Điều lệ công ty năm 2024 theo Tờ trình số/2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị.

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) và có quyền biểu quyết về nội dung này là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
- Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:
 - + Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự, có quyền biểu quyết về nội dung này và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - + Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự, có quyền biểu quyết về nội dung này và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - + Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự, có quyền biểu quyết về nội dung này và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Theo đó, Đại hội đã thông qua Điều lệ công ty năm 2024 theo Tờ trình số ngày với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự, có quyền biểu quyết về nội dung này và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

10. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2024 theo Tờ trình số/2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị.

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) và có quyền biểu quyết về nội dung này là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
- Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:

+ Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự, có quyền biểu quyết về nội dung này và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự, có quyền biểu quyết về nội dung này và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự, có quyền biểu quyết về nội dung này và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Theo đó, Đại hội đã thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2024 theo Tờ trình số ngày với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự, có quyền biểu quyết về nội dung này và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

11. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 theo Tờ trình số/2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị.

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) và có quyền biểu quyết về nội dung này là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:

+ Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự, có quyền biểu quyết về nội dung này và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự, có quyền biểu quyết về nội dung này và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự, có quyền biểu quyết về nội dung này và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Theo đó, Đại hội đã thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 theo Tờ trình số ngày với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự, có quyền biểu quyết về nội dung này và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

F. PHẦN THỨ SÁU – BẦU CỬ HĐQT, BKS NHIỆM KỲ 2024 - 2029

1. Thông qua Tờ trình bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029

Ông Nguyễn Khắc Hải - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đã trình bày Tờ trình số/2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị về việc bầu của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình số/2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị về việc bầu của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029 bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và cho ý kiến bằng **Mục 1 - Phiếu biểu quyết số 5** với kết quả như sau:

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
 - Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:
 - + Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - + Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - + Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Theo đó, Đại hội đã thông qua danh sách Ban Bầu cử với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

2. Thông qua danh sách Ban Bầu cử

Ông Nguyễn Khắc Hải – Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa Đại hội giới thiệu danh sách Ban Bầu cử bao gồm:

1. Ông Trịnh Văn Kiên, PTP Thanh toán và Thu hồi công nợ, Trưởng Ban
2. Ông Hoàng Đình Huynh, Phòng Thanh toán và Thu hồi công nợ, Thành viên
3. Ông Nguyễn Đức Hoàng Nam, Phòng Tài chính kế toán, Thành viên

Đại hội đã biểu quyết thông qua danh sách Ban Bầu cử bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và cho ý kiến bằng **Mục 2 - Phiếu biểu quyết số 5** với kết quả như sau:

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
 - Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
 - Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.
 - Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:
 - + Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - + Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - + Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Theo đó, Đại hội đã thông qua danh sách Ban Bầu cử với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

3. Thực hiện thủ tục đề cử/ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thông qua Danh sách ứng viên bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Khắc Hải – Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa Đại hội xin ý kiến Đại hội về việc ứng cử, đề cử ứng viên và trình bày Văn bản đề cử ứng viên của cổ đông Tổng Công ty CP xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam và của nhóm cổ đông.

Ngoài 02 văn bản đề cử trên, không có cổ đông/đại diện cổ đông nào thực hiện ứng cử/đề cử ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thông qua danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029

Danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029 bao gồm:

1.
2. ...

Đại hội đã biểu quyết thông qua Danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2024 - 2029 bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và cho ý kiến bằng **Phiếu biểu quyết số 6** với kết quả như sau:

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:

+ Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Theo đó, Đại hội đã thông qua Danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Danh sách ứng viên thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029 bao gồm:

1.
2. ...

Đại hội đã biểu quyết thông qua Danh sách ứng viên thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029 bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và cho ý kiến bằng **Phiếu biểu quyết số 6** với kết quả như sau:

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:

+ Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Theo đó, Đại hội đã thông qua Danh sách ứng viên thành viên Ban kiểm soát với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

5. Thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024

- 2029.

Ông Trịnh Văn Kiên – Trưởng Ban bầu cử, trình bày Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029 bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và cho ý kiến bằng **Mục 3 - Phiếu biểu quyết số 5** với kết quả như sau:

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:

+ Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Theo đó, Đại hội đã thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029 với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

6. Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029.

Ông Trịnh Văn Kiên - Trưởng Ban Bầu cử hướng dẫn cổ đông thực hiện bầu cử.

Đại hội thực hiện bầu cử bằng bình thức bỏ phiếu kín.

7. Công bố Biên bản kiểm phiếu bầu cử

Ông Trịnh Văn Kiên - Trưởng Ban Bầu cử công bố trước Đại hội Biên bản kiểm phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029, kết quả bầu cử như sau:

Biên bản bầu cử thành viên HĐQT:

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự bầu cử là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết bầu HĐQT.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết bầu HĐQT.

- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết bầu HĐQT.

- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết bầu HĐQT.

- Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng phiếu biểu quyết bầu HĐQT

Kết quả kiểm phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị như sau (theo thứ tự số phiếu bầu nhận được từ cao xuống thấp):

STT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu biểu quyết bầu HĐQT nhận được
1.		...
2.		...

Căn cứ kết quả kiểm phiếu bầu cử, các ông/bà sau đã trúng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2024 - 2029 (theo thứ tự số phiếu bầu nhận được từ cao xuống thấp):

1. Ông/ bà
2. Ông/ bà

Căn cứ theo Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Khoản 2 Điều 20 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty, ông đã trúng cử vị trí Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng số 1, nhiệm kỳ 2024 - 2029.

Biên bản bầu cử thành viên BKS:

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự bầu cử là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết bầu BKS.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết bầu BKS.
- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết bầu BKS.
- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết bầu BKS.
- Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng phiếu biểu quyết bầu BKS

Kết quả kiểm phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị như sau (theo thứ tự số phiếu bầu nhận được từ cao xuống thấp):

STT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu biểu quyết bầu HĐQT nhận được
1.		...
2.		...

Căn cứ kết quả kiểm phiếu bầu cử, các ông/bà sau đã trúng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029 (theo thứ tự số phiếu bầu nhận được từ cao xuống thấp):

1. Ông/ bà
2. Ông/ bà

(Các thành viên HĐQT, BKS tiến hành họp nhanh phiên họp đầu tiên để bầu Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS nhiệm kỳ mới)

8. **Ông Đỗ Văn Ngọc** – Trưởng Ban kiểm phiếu trình bày Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội
9. Các thành viên HĐQT, BKS ra mắt Đại hội:
 - Ông được bầu làm Chủ tịch HĐQT 2024 - 2029
 - Ông được bầu làm Trưởng BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029

G. PHẦN THỨ BẢY – THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT VÀ BIÊN BẢN ĐẠI HỘI

Bà Nguyễn Thị Phương Linh - Ban Thư ký Đại hội lên trình bày Biên bản, Nghị quyết Đại hội.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và cho ý kiến bằng **Phiếu biểu quyết số 7** với kết quả biểu quyết như sau:

1. Thông qua Biên bản Đại hội

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu

biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:

+ Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Theo đó, Đại hội đã thông qua Biên bản Đại hội với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

2. Thông qua Nghị quyết Đại hội

Số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) tham dự cuộc họp (tại thời điểm biểu quyết nội dung này) là:.....cổ đông; tương ứng..... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu phát ra:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu thu về:phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu không hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết.

- Số phiếu hợp lệ: ...phiếu, tương ứng ... phiếu biểu quyết, trong đó:

+ Số phiếu tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm ...% Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không tán thành: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Số phiếu không có ý kiến: _____ phiếu, tương ứng _____ phiếu biểu quyết, chiếm _____ % Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Theo đó, Đại hội đã thông qua Nghị quyết Đại hội với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là% trên Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

H. PHẦN THỨ TÁM – CÁC THỦ TỤC KẾT THÚC ĐẠI HỘI

1. Những nội dung được Đại hội đồng cổ đông thống nhất, biểu quyết thông qua tại cuộc họp được cụ thể hóa thành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty.
2. Biên bản này được lập hồi ... giờ ... phút cùng ngày và được lập thành 05 bản và có giá trị như nhau.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Nguyễn Thị Phương Linh

Nguyễn Khắc Hải

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT (tại website TCT);
- Các TV HĐQT, Ban TGĐ, Ban KS;
- Tổng công ty VINACONEX (để B/C);
- Lưu TK, VT.

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1 (VINACONEX 1)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xây dựng số 1 (VINACONEX 1) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23/03/2021;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 03/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty;

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch năm 2024 của Công ty cổ phần xây dựng số 1 theo Báo cáo số .../2024/BC-TGD ngày 20/03/2024 của Ban Tổng giám đốc Công ty.
- Điều 2.** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị, phương hướng nhiệm vụ năm 2024 theo Báo cáo số .../2024/BC-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị Công ty.
- Điều 3.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần xây dựng số 1 đã được kiểm toán theo Tờ trình số .../2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị Công ty.
- Điều 4.** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Tờ trình số .../2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị Công ty.
- Điều 5.** Thông qua phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 và Kế hoạch năm 2024 theo Tờ trình số .../2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 6. Thông qua Báo cáo số .../2024/BC-BKS ngày 20/03/2024 của Ban Kiểm soát Công ty.

Điều 7. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty theo Tờ trình số .../2024/TTr-BKS ngày 20/03/2024 của Ban Kiểm soát Công ty.

Điều 8. Thông qua chủ trương giao dịch giữa Công ty với Tổng công ty CP VINACONEX và/hoặc công ty thành viên trong cùng tập đoàn /nhóm VINACONEX theo Tờ trình số .../2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 9. Thông qua Điều lệ Công ty năm 2024 theo Tờ trình số .../2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 10. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2024 theo Tờ trình số .../2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 11. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 theo Tờ trình số .../2024/TTr-HĐQT ngày 20/03/2024 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 12. Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty, nhiệm kỳ 2024 - 2029 gồm các Ông/Bà có tên sau (xếp theo thứ tự số phiếu bầu nhận được từ cao xuống thấp):

1. ...
2. ...
3. ...
4. ...
5. ...

.... trúng cử làm thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2024 - 2029

... được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2024 - 2029

Điều 13. Thông qua kết quả bầu cử thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ 2024 - 2029 gồm các Ông/Bà có tên sau (xếp theo thứ tự số phiếu bầu nhận được từ cao xuống thấp):

1. ...
2. ...
3. ...

... được bầu làm Trưởng Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2024 - 2029

Điều 14. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 23/03/2024.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty tổ chức triển khai thực hiện các nội dung đã thông qua tại Đại hội trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Công ty và lợi ích của các cổ đông, phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:

- UBCK NN (để báo cáo);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (để báo cáo);
- Tổng công ty VINACONEX (để báo cáo)
- Các TV HĐQT, Ban TGD, Ban KS (để t/h);
- Các Phòng ban chức năng (để t/h);
- Website VINACONEX 1 (thay cho thông báo);
- Lưu TK.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Nguyễn Khắc Hải